

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ  
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC - MẦM NON

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

HỨNG THÚ HỌC TẬP MÔN TIẾNG VIỆT  
CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC

Chủ nhiệm: DƯƠNG KHÁNH HẠ  
Lớp: D14TH3  
Ngành: GIÁO DỤC TIỂU HỌC

NINH BÌNH, 2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ  
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC - MÀM NON

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

HỨNG THÚ HỌC TẬP MÔN TIẾNG VIỆT CỦA  
HỌC SINH TIỂU HỌC

Chủ nhiệm: DƯƠNG KHÁNH HẠ

Các thành viên: ĐINH THỊ MINH ÁNH

LÊ THỊ PHƯƠNG LINH

Lớp: D14TH3

Người hướng dẫn khoa học: ThS. TRẦN THỊ TÂN

Xác nhận của giáo viên hướng dẫn

(Họ, tên và chữ kí)

ThS. Trần Thị Tân

Chủ nhiệm đề tài

(Họ, tên và chữ kí)

Dương Khánh Hạ

NINH BÌNH, 2023

# MỤC LỤC

*Trang*

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài.....	1
2. Tính cấp thiết của đề tài.....	3
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	5
4. Đối tượng nghiên cứu.....	5
5. Phạm vi nghiên cứu.....	5
6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu.....	5
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HỨNG THÚ VÀ HỨNG THÚ HỌC TẬP MÔN TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC</b>	
1.1. HỨNG THÚ.....	7
1.1.1. Khái niệm hứng thú .....	7
1.1.2. Phân loại hứng thú.....	8
1.1.3. Cấu trúc hứng thú .....	9
1.1.4. Vai trò hứng thú.....	10
1.2. HỨNG THÚ HỌC TẬP.....	11
1.2.1. Khái niệm hứng thú học tập.....	11
1.2.2. Bản chất hứng thú học tập.....	11
1.2.3. Các giai đoạn phát triển của hứng thú học tập.....	13
1.3. HỨNG THÚ HỌC TẬP MÔN TIẾNG VIỆT .....	15
1.3.1. Khái niệm hứng thú học tập môn tiếng Việt .....	15
1.3.2. Biểu hiện hứng thú học tập môn tiếng Việt.....	15
1.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập môn tiếng Việt.....	15
1.4. CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4.....	19
1.5. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ LỨA TUỔI HỌC SINH TIỂU HỌC .....	20
Tiểu kết chương 1.....	24
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HỨNG THÚ HỌC TẬP MÔN TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH LỚP 4 Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC KHÁNH PHÚ</b>	
2.1. VÀI NÉT VỀ ĐỊA BÀN VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU.....	23
2.2. TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU.....	24
2.2.1. Mục đích khảo sát.....	24
2.2.2. Nội dung khảo sát.....	24

2.2.3. Cách thức, thời gian tiến hành khảo sát.....	24
2.3. KẾT QUẢ KHẢO SÁT.....	25
2.3.1. Đánh giá của giáo viên về hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 trường tiểu học Khánh Phú.....	25
2.3.2. Thực trạng hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 trường tiểu học Khánh Phú.....	30
2.4. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HỨNG THÚ HỌC TẬP MÔN TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH LỚP 4 TRƯỜNG TIỂU HỌC KHÁNH PHÚ....	37
2.5. ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP NÂNG CAO HỨNG THÚ HỌC TẬP MÔN TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH LỚP 4.....	39
Tiểu kết chương 2.....	43
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>44</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	
<b>PHỤ LỤC</b>	

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

HS	Học sinh
GV	Giáo viên
CTGDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
ĐTB	Điểm trung bình
GD & ĐT	Giáo dục và đào tạo
NXB	Nhà xuất bản

## DANH MỤC BẢNG

*Trang*

Bảng 2.1	Đánh giá của giáo viên về mức độ yêu thích của học sinh đối với các phân môn Tiếng Việt	28
Bảng 2.2	Đánh giá của giáo viên về hành vi của học sinh trong giờ học Tiếng Việt	31
Bảng 2.3	Lợi ích của môn Tiếng Việt đối với bản thân	32
Bảng 2.4	Mức độ yêu thích các môn học	34
Bảng 2.5	Cảm xúc của học sinh khi có giờ học Tiếng Việt	36
Bảng 2.6	Cảm xúc của học sinh khi phải nghỉ giờ học Tiếng Việt	36
Bảng 2.7	Nhiệm vụ của học sinh trong giờ Tiếng Việt	39
Bảng 2.8	Cảm xúc của học sinh khi giáo viên sử dụng đa dạng phương tiện dạy học.	40

## DANH MỤC BIỂU ĐỒ

*Trang*

Biểu đồ 2.1	Thái độ của học sinh khi giáo viên giao một bài tập khó.	29
Biểu đồ 2.2	Đánh giá của giáo viên về mức độ hứng thú của học sinh	30
Biểu đồ 2.3	Mức độ yêu thích của học sinh đối với các phân môn Tiếng Việt	32
Biểu đồ 2.4	Biểu hiện của học sinh khi gặp bài tập khó	35
Biểu đồ 2.5	Biểu hiện của học sinh khi thắc mắc về môn học	37
Biểu đồ 2.6	Các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4	39





## MỞ ĐẦU

### 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

\* Các nghiên cứu nước ngoài:

Johann Friedrich Herbart (1776-1841) được xem là người đầu tiên phát triển lí thuyết đại cương về giáo dục trong đó ông nhận thấy hứng thú đóng vai trò trung tâm. Ông cũng nhấn mạnh rằng hứng thú không chỉ được xem như một động lực trong học tập mà còn là một mục tiêu quan trọng hoặc kết quả của giáo dục.

John Dewey (1859- 1952), nhà Giáo dục học, nhà Tâm lý học người Mỹ - người sáng lập trường thực nghiệm vào năm 1896, trong đó ưu tiên hứng thú học tập của học sinh và nhu cầu của học sinh trong từng lứa tuổi. Dewey khẳng định rõ tầm quan trọng của giáo dục không chỉ là nơi để đạt được kiến thức nội dung mà còn là nơi để học cách sống.

Ovide Decroly (1871- 1932), Bác sĩ, nhà Tâm lý người Bỉ, khi nghiên cứu về khả năng tập đọc, tập làm tính của trẻ đã xây dựng học thuyết về những trung tâm hứng thú và về lao động tích cực. Với công trình “Toàn cầu hóa, tức là khẳng định đưa trẻ học toàn cầu. Đó là một cách tiếp cận hoàn chỉnh phải được cho phép đối với đứa trẻ, để sau đó nó chuyển sang chủ nghĩa cụ thể và phân tích”.

Đến năm 1946, E.Clapade với vấn đề: “Tâm lý trẻ em và thực nghiệm sư phạm” đã đưa ra khái niệm hứng thú dựa trên bản chất sinh học. Trong giáo dục chức năng, Clapade đã nhấn mạnh tầm quan trọng của hứng thú trong hoạt động của con người, trong đó có hoạt động học tập và cho rằng quy luật của hứng thú là cái trục duy nhất mà tất cả hệ thống phải xoay quanh nó.

Năm 1955, A.P. Akhadop có công trình nghiên cứu về sự phụ thuộc của tri thức học viên với hứng thú học tập. Kết quả cho thấy tri thức của học viên có mối quan hệ khăng khít với hứng thú học tập. Trong đó, sự hiểu biết nhất định về môn học được xem là một tiền đề cho sự hình thành hứng thú đối với môn học.

Năm 1966, N.I. Ganbio bảo vệ luận án tiến sĩ về đề tài “Vận dụng tính hứng thú trong giảng dạy tiếng Nga”. Tác giả cho rằng hứng thú học tập của học sinh là một phương tiện để nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Nga trong nhà trường.

Năm 1967, N.G. Marôzôva nghiên cứu sự khác nhau trong việc hình thành hứng thú của trẻ em trong sự phát triển bình thường và sự phát triển không bình thường. Marôzôva cũng đã nghiên cứu vấn đề “Tác dụng của việc giảng dạy nêu vấn đề đối với hứng thú nhận thức của sinh viên”. Đến năm 1976, tác giả đưa ra cấu trúc tâm lý của hứng thú, đồng thời còn phân tích những điều kiện và khả năng giáo dục hứng thú trong quá trình học tập và lao động của học sinh.

I.G. Sukira, trong công trình “Vấn đề hứng thú trong khoa học giáo dục” (1972) đã đưa ra khái niệm về hứng thú nhận thức cùng với những biểu hiện của nó. Đồng thời bà còn nêu lên nguồn gốc cơ bản của hứng thú nhận thức là nội dung tài liệu và hoạt động học của học sinh.

Năm 1976, A.K.Marcôva nghiên cứu về “Vai trò của dạy học nêu vấn đề với hứng thú học tập của học sinh”. Dạy học nêu vấn đề là một trong những biện pháp quan trọng góp phần nâng cao hứng thú học tập của học sinh trong quá trình học tập.

J.Piaget (1896- 1996), nhà Tâm lý học nổi tiếng người Thụy Sĩ có rất nhiều công trình nghiên cứu về trí tuệ trẻ em và giáo dục. Ông rất chú trọng đến hứng thú của học sinh và cho rằng: “Nhà trường kiểu mới đòi hỏi phải hoạt động thực sự, phải làm việc một cách chủ động dựa trên nhu cầu và sự hứng thú cá nhân”. Ông nhấn mạnh cũng giống như người lớn, trẻ em là một thực thể mà hoạt động cũng bị chi phối bởi quy luật hứng thú hoặc của nhu cầu. Nó sẽ đem lại hiệu suất đầy đủ nếu người ta không khêu gợi những động cơ nội tại của hoạt động đó. Ông cho rằng mọi việc làm của trí thông minh đều dựa trên hứng thú, hứng thú đó chẳng qua chỉ là một trạng thái chức năng động của sự đồng hóa.

\* Các nghiên cứu trong nước:

Năm 1980, Dương Diệu Hoa “Bước đầu tìm hiểu hứng thú học tập môn tâm lý học đại cương của sinh viên khoa tâm lý học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội”.

Năm 1970, Phan Huy Thu đã tìm hiểu “Hứng thú học tập của học sinh tiểu phổ thông trung học như công trình nghiên cứu” tìm hiểu tình hình sự phân hóa học tập các môn học của học sinh và phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng đến hứng thú học tập các môn học.

Năm 1978, Dương Như Xuyên đã bảo vệ thành công luận án phó Tiến sĩ với đề tài "Nghiên cứu sự phát triển hứng thú nhận thức của học sinh lớp 5 trường phổ thông cơ sở" nhằm tìm hiểu các biểu hiện và yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập của học sinh lớp 5.

Năm 1984, Trần Thị Thanh Hương đã triển khai đề tài nghiên cứu "Thực nghiệm nâng cao hứng thú học toán của học sinh qua việc điều khiển hoạt động tự học ở nhà của học sinh".

Năm 1994, Hoàng Hồng Liên có đề tài "Bước đầu nghiên cứu những con đường nâng cao hứng thú học tập cho học sinh phổ thông". Tác giả đã kết luận rằng dạy học trực quan là biện pháp tốt nhất để tác động đến hứng thú học tập của học sinh.

Năm 1996, Đào Thị Oanh và nhóm nghiên cứu đã tìm hiểu mối quan hệ giữa "Hứng thú học tập và sự thích nghi với cuộc sống nhà trường của học sinh tiểu học".

Năm 2006, Nguyễn Thị Thu Cúc nghiên cứu "Hứng thú học tập môn toán của học sinh tiểu học ở Tây Ninh". Qua nghiên cứu thực trạng đặc điểm hứng thú học môn toán ở trường tiểu học Tây Ninh đã có ưu điểm là các em hứng thú học môn toán cao hơn các môn khác. Hứng thú học môn toán của học sinh lớp 3- 4 chủ yếu là hứng thú gián tiếp. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế là các em còn phân tán chưa bền vững, ổn định, cơ chế hình thành hứng thú chủ yếu bắt đầu từ cảm xúc tích cực đối với môn toán nhưng vẫn có những em học sinh có những tác động tiêu cực của gia đình xã hội xung quanh, nội dung môn học thì sẽ hạn chế hơn.

Ngoài ra còn có các tác giả như Nguyễn Xuân Thúc với "Tìm hiểu hứng thú học môn Toán của học sinh lớp 5 tiểu học" và tác giả Phạm Minh Hiền cũng nghiên cứu "Hứng thú học tập của học viên trung tâm phát triển kỹ năng con người Tâm Việt". Trong đó nổi bật lên phương pháp giảng dạy của giảng viên có ý nghĩa to lớn tác động tới hứng thú học tập của học viên.

Bên cạnh đó, Trường Đại học Hoa Lư có một số đề tài nghiên cứu về hứng thú học tập như tác giả Nguyễn Thị Nguyệt và Vũ Thị Hồng năm 2011 đã nghiên cứu "Hứng thú với hoạt động rèn nghiệp vụ sư phạm của sinh viên năm thứ hai khối đại học sư phạm trường Đại học Hoa Lư"; Tác giả Hoàng Mỹ Linh năm 2021 trong khóa luận tốt nghiệp đã tìm hiểu về "Thực trạng hứng thú của trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi trong hoạt động làm quen với tác phẩm văn học"...

Như vậy, vấn đề hứng thú học tập của học sinh đã có nhiều tác giả trong và ngoài nước tiến hành nghiên cứu. Tuy nhiên, hứng thú học tập đối với môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 chưa có nhiều tác giả nghiên cứu.

## **2. Tính cấp thiết của đề tài**

Hứng thú là một thuộc tính tâm lí mang tính đặc thù cá nhân, hứng thú có tính lựa chọn. Là thái độ đặc biệt của cá nhân đối với đối tượng nào đó vừa có ý nghĩa trong đời sống vừa có khả năng mang lại khoái cảm gây kích thích trực tiếp lên chính chủ thể. Khi hứng thú đã tồn tại trong học tập thì học sinh sẽ tập trung cao độ sự chú ý, tình cảm, hướng toàn bộ quá trình nhận thức vào đối tượng khiến quá trình học hỏi, tiếp thu trở nên nhạy bén và sâu sắc và từ đó hứng thú cũng được duy trì. Vậy để tạo được hứng thú trong học tập của học sinh người giáo viên cần vận dụng linh hoạt các phương pháp giáo dục, biến sách vở chính là đời sống, biến những thứ trừu tượng, khái quát hóa thành cụ thể hóa để tiếp cận gần nhất tới nhận thức của học sinh.

Đối với học sinh tiểu học, các em có trí nhớ trực quan phát triển chiếm ưu thế hơn trí nhớ từ ngữ, trẻ vẫn còn thiếu sự tập trung cao độ, khả năng ghi nhớ và chú ý có chủ định, có tính hiếu động và dễ xúc động. Các em vẫn ở tâm thế vừa học vừa chơi và học một cách thụ động. Tình cảm tích cực sẽ kích thích được khả năng nhận thức tốt đối với học sinh tiểu học.

Khi hứng thú môn học nào đó, học sinh sẽ chú ý tập trung vào đối tượng nhận thức, nhờ đó quan sát của các em trở nên nhạy bén và chính xác, chú ý trở nên bền vững, việc ghi nhớ dễ dàng sâu hơn, quá trình tư duy sẽ tích cực hơn, sự tưởng tượng sẽ phong phú hơn,... Từ đó, các em tự giác, sáng tạo, say sưa không biết mệt mỏi trong quá trình lĩnh hội và sự vận dụng vào thực tế sẽ linh hoạt, sáng tạo hơn.

Giáo dục tiểu học là bậc học nền tảng của hệ thống giáo dục quốc dân, có nhiệm vụ xây dựng và phát triển tình cảm, đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ và thể chất của trẻ em, nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển toàn diện nhân cách con người. Tiếng Việt là một trong những môn học có vị trí quan trọng trong tất cả các phân môn ở bậc tiểu học. Nó hình thành khả năng giao tiếp, là cơ sở để phát triển tư duy cho trẻ để tiếp thu các môn học khác và là môn dạy tiếng mẹ đẻ hình thành nên khả năng ngôn ngữ của trẻ giúp trẻ giao tiếp bước đầu với thế giới xung quanh. Thông qua môn Tiếng Việt, các em sẽ được học cách giao tiếp, truyền đạt tư tưởng, cảm xúc của mình một cách chính xác và

biểu cảm, hướng đến việc hình thành các kỹ năng mềm, kỹ năng sống cần thiết cho học sinh. Từ đó, giúp học sinh nhận biết được những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống, biết tự nhìn nhận đánh giá đúng về bản thân để tự tin, tự trọng và không ngừng vươn lên trong học tập cũng như cuộc sống. Tiếng Việt giúp các em biết cách giao tiếp, ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ với người thân, với cộng đồng và với môi trường tự nhiên, biết sống tích cực, chủ động trong mọi điều kiện, mọi hoàn cảnh. Do đó, ta có thể thấy được Tiếng Việt là môn học môn học bắt buộc, đặc biệt đối với lứa tuổi học sinh ở bậc tiểu học – lứa tuổi đang trong giai đoạn hình thành về nhân cách và tư duy. Vì vậy, Tiếng Việt không những là “công cụ của tư duy”, mà còn là phương tiện học tập các môn học để hình thành nhân cách của một cá nhân.

Tuy nhiên, trong thực tế ở trường tiểu học Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình còn một số học sinh tiểu học chưa có hứng thú với môn Tiếng Việt biểu hiện như học sinh mất tập trung, không chăm chú nghe giảng, không ghi nhớ các kiến thức của bài học... Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng này như phương pháp giảng dạy của giáo viên chưa thực sự tạo được hứng thú, việc áp dụng công nghệ thông tin, đồ dùng trực quan vào trong dạy học còn gặp nhiều khó khăn nên chưa phát huy được tính tích cực của học sinh, chưa tạo sức hấp dẫn đối với học sinh...

Từ những lý do trên, chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu "Hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh tiểu học" ở trường Tiểu học Khánh Phú.

### **3. Mục tiêu nghiên cứu**

Nghiên cứu thực trạng hứng thú học tập môn tiếng Việt của học sinh tiểu học, từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hứng thú học tập môn Tiếng Việt cho học sinh tiểu học.

### **4. Đối tượng nghiên cứu**

Hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh tiểu học.

### **5. Phạm vi nghiên cứu**

- 118 học sinh lớp 4 trường tiểu học Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- 03 giáo viên đang chủ nhiệm lớp 4.

- Nghiên cứu hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 ở trường Tiểu học Khánh Phú.

- Thời gian: Từ tháng 12/2022 đến tháng 10/2023.

## **6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

### **\* Cách tiếp cận**

Lý thuyết - thực trạng - giải pháp.

### **\* Phương pháp nghiên cứu**

- Nhóm phương pháp nghiên cứu tài liệu

Qua đọc sách và tìm tài liệu, thu thập, phân tích, khái quát các tri thức khoa học, các tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu, hệ thống hoá các vấn đề lý luận, xây dựng các khái niệm công cụ của đề tài.

### **\* Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

- Phương pháp điều tra viết

Sử dụng phiếu điều tra dành cho giáo viên đã và đang dạy môn Tiếng Việt lớp 4; phiếu điều tra dành cho học sinh lớp 4 để tìm hiểu về hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4.

- Phương pháp đàm thoại

Trao đổi với giáo viên và một số học sinh lớp 4 để tìm hiểu về thực trạng, các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4.

- Phương pháp quan sát

Quan sát một số tiết Tiếng Việt của học sinh lớp 4 để làm rõ hơn thực trạng hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4.

### **\* Phương pháp thống kê toán học**

Sử dụng một số công thức toán học để xử lý số liệu thu thập được một cách khách quan.

# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HỨNG THÚ VÀ HỨNG THÚ HỌC TẬP MÔN TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC

### 1.1. HỨNG THÚ

#### 1.1.1. Khái niệm hứng thú

Hứng thú là một hiện tượng tâm lý rất phức tạp, là một trong những yếu tố hợp thành của xu hướng nhân cách. L.X.Vugotxki cho rằng “Đối với việc nghiên cứu các vận động của tâm lý, hầu như không có vận động tâm lý nào phức tạp hơn vận động tìm hiểu hứng thú thực sự của con người.”

Có rất nhiều quan điểm khác nhau về hứng thú:

- Quan điểm thứ nhất: Hứng thú được xem như là một thuộc tính bẩm sinh của con người. (I.Ph.Shec bac)

- Quan điểm thứ 2: Cõi hứng thú là một dạng nhu cầu

Hứng thú là đặc điểm của lứa tuổi, là bản năng nguyện vọng đòi hỏi cần được thỏa mãn. (E.K.Clapanet)

- Quan điểm thứ 3: Hứng thú không phải bản năng nhu cầu mà là:

+ Sự biểu hiện ra bên ngoài khuynh hướng lựa chọn, chú ý của con người (T.Ri-bô); của tư tưởng, ý định của con người (X.L.Rubinstein).

+ Hứng thú là sự sáng tạo tinh thần với đối tượng là con người tham gia. (Annoi)

Các quan niệm của các nhà tâm lý học trên đây hoặc là duy tâm hoặc là duy vật siêu hình về hứng thú. Và chúng ta không thể đồng ý hoàn toàn với một trong các quan niệm trên vì con người không phải ai cũng có hứng thú giống nhau mà nó được biểu hiện qua các mức độ, sắc thái khác nhau. Theo quan điểm của A.G.Covaliop “*Hứng thú là một thái độ đặc thù của cá nhân đối với đối tượng nào đó, do ý nghĩa của nó trong đời sống và do sự hấp dẫn tình cảm của nó*” [17, tr.10]. Chính vì thế, hứng thú có nguồn gốc xã hội của nó và hứng thú khác nhu cầu ở chỗ hấp dẫn, khoái cảm, và là một hiện tượng tâm lý được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau.

Khái niệm hứng thú khá phức tạp, nó phản ánh thái độ một cách khách quan của nhân cách. Những thái độ này xuất hiện chịu ảnh hưởng của điều kiện sống và kinh nghiệm cá nhân. Đời sống xã hội là nguồn hứng thú vô tận của con người. Tất cả những gì tạo nên hứng thú đều được rút ra từ thực tế khách quan. Nhưng không phải mọi thứ trong thực tế đều là đối tượng của

hứng thú, mà chỉ có những gì tất yếu, quan trọng, có giá trị tất yếu và hấp dẫn con người thì mới là đối tượng của hứng thú. Nhưng với quan điểm hay hình thức nào thì hứng thú cũng có 2 đặc điểm cơ bản, đó là:

- Cá nhân nhận thức rõ ý nghĩa của đối tượng đã gây cho mình hứng thú. Đối tượng đó có liên quan đến đời sống và hoạt động của cá nhân hay không.

- Đối tượng của hứng thú phải gây cho cá nhân khoái cảm đặc biệt không. Vì vậy, từ những quan điểm khác nhau về hứng thú và hai đặc điểm của hứng thú, ta có thể hiểu “Hứng thú là thái độ đặc biệt của cá nhân đối với đối tượng nào đó vừa có ý nghĩa trong cuộc sống, vừa có khả năng đem lại khoái cảm đặc biệt cho cá nhân.”

### **1.1.2. Phân loại hứng thú**

- Căn cứ vào hiệu quả của hứng thú, chia ra làm hai loại:

+ Hứng thú thụ động: Là loại hứng thú dừng lại ở ngắm nhìn, chiêm ngưỡng đối tượng gây nên hứng thú, không thể hiện mặt tích cực để nhận thức sâu sắc đối tượng hơn, làm chủ đối tượng và hoạt động sáng tạo trong lĩnh vực liên quan đến đối tượng.

+ Hứng thú tích cực: Không chỉ chiêm ngưỡng đối tượng gây nên hứng thú mà đi vào hoạt động với mục đích chiếm lĩnh được đối tượng đó. Nó là một trong những nguồn kích thích sự phát triển nhân cách, hình thành kỹ xảo, nguồn gốc của sự sáng tạo.

- Căn cứ vào nội dung đối tượng, nội dung hoạt động, chia ra làm 5 loại: (muôn có chỗ ở đầy đủ, tiện nghi, ăn ngon, mặc đẹp...).

+ Hứng thú nhận thức: Ta có thể hiểu hứng thú dưới hình thức học tập như: hứng thú Vật lý, hứng thú Triết học, hứng thú Tâm lý học...

+ Hứng thú lao động nghề nghiệp: Hứng thú một ngành nghề cụ thể: Hứng thú nghề sư phạm, nghề bác sĩ...

+ Hứng thú xã hội – chính trị.

+ Hứng thú nghệ thuật.

- Căn cứ vào khối lượng của hứng thú, chia ra làm hai loại:

+ Hứng thú sâu: Bao quát nhiều lĩnh vực, nhiều mặt nhưng thường không sâu.

+ Hứng thú hẹp: Hứng thú với từng mặt, từng khía cạnh, lĩnh vực cụ thể.

Trong cuộc sống, cá nhân đòi hỏi phải có cả hứng thú rộng và hứng thú hẹp. Vì nếu chỉ có hứng thú hẹp thì nhân cách của cá nhân sẽ không toàn



diện, song nếu chỉ có hứng thú rộng mà không có hứng thú hẹp thì sự phát triển nhân cách sẽ hơi thiếu sự sâu sắc.

- Căn cứ vào tính bền vững, chia ra làm hai loại:

+ Hứng thú bền vững: thường gắn liền với năng lực cao và sự nhận thức sâu sắc nghĩa vụ và thiên hướng của mình.

+ Hứng thú không bền vững: thường bắt nguồn từ sự nhận thức hơi hợt đối tượng hứng thú.

- Căn cứ vào chiều sâu của hứng thú, chia ra làm hai loại:

+ Hứng thú sâu sắc: thường thể hiện thái độ thận trọng, có trách nhiệm với hoạt động, công việc, mong muốn đi sâu vào đối tượng nhận thức để nắm vững đến mức hoàn hảo đối tượng của mình.

+ Hứng thú hơi hợt bên ngoài.

- Căn cứ vào chiều hướng của hứng thú, chia ra làm hai loại:

+ Hứng thú trực tiếp: có nghĩa là chủ thể tích cực tham gia trực tiếp vào hoạt động sáng tạo.

+ Hứng thú gián tiếp: là chủ thể hướng vào thưởng thức kết quả hoạt động.

Khó có thể nói rằng loại hứng thú nào mãnh liệt hơn, có điều hứng thú trực tiếp hoạt động sáng tạo đòi hỏi phải có sự kiên trì, sáng tạo.

### **1.1.3. Cấu trúc hứng thú**

Cấu trúc của hứng thú, trong quá trình nghiên cứu có rất nhiều loại hứng thú khác nhau, “*chúng ta có thể nhận thấy cấu trúc hứng thú được tạo bởi 3 giai đoạn: nhận thức do cá nhân, chính đối tượng gây ra - cảm xúc, thái độ, nhận thức mang tính tích cực – mối quan hệ có hoạt động gắn bó mật thiết với nhau*” [17, tr.11], Ba giai đoạn này luôn giữ cho mình một mối quan hệ gắn bó chặt chẽ. Để cho các đối tượng gây hứng thú với nhau thì phụ thuộc vào các thành tố trên. Bên cạnh đó thì dựa vào từng giai đoạn phát triển khác nhau để phát triển nó một cách tốt nhất. Và hứng thú được tác động bởi mặt trực tiếp hoặc có thể gián tiếp. Hứng thú tác động bởi trực tiếp là do chính đối tượng muốn chiếm lĩnh, tò mò lôi cuốn, kích thích giác quan hứng thú. Còn về gián tiếp bản thân đối tượng chỉ muốn tìm hiểu bề nổi, hỗ trợ giúp đỡ bởi vấn đề bất chợt tới.

Sự kết hợp bởi nhận thức, hành động và cảm xúc là một trong những sự kết hợp nhằm để cho chúng ta biết đối tượng với cái thích thú với đối tượng đó có thực sự mang bản chất tính tích cực. Tất cả các hứng thú thì đều dựa trên

tác động bởi cảm xúc tích cực với thái độ của chính chủ thể với đối tượng, là tạo cảm giác thích thú với đối tượng. Cảm xúc là một trạng thái, dựa trên các trạng thái khác nhau của hệ thần kinh, cũng là một trong các thành tố không thể thiếu của hứng thú. Cá nhân chủ thể có hứng thú với đối tượng hay không đều phụ thuộc về mặt cảm xúc có tích cực thực sự, sâu sắc với đối tượng

Tóm lại, các thành tố trên phải có mối quan hệ mật thiết với nhau thì mới tạo nên hứng thú với các đối tượng với cá nhân. Thiếu một hay các thành tố đó thì chưa thể tạo nên hứng thú giữa các đối tượng, cá nhân với đối tượng.

#### **1.1.4. Vai trò của hứng thú**

Hứng thú tạo sự tập trung chú ý cao độ bởi sự say mê, hấp dẫn của đối tượng, do đó dù khó khăn vẫn cố gắng vượt qua. Vì vậy, hứng thú là động lực thúc đẩy con người hoạt động đạt hiệu quả cao.

Hứng thú còn là nguồn kích thích mạnh mẽ làm cho các quá trình nhận thức diễn ra với tốc độ nhanh, có chiều sâu và có hiệu quả. Trong hoạt động học tập, hứng thú làm cho các quá trình cảm giác, tri giác, trí nhớ, tưởng tượng và tư duy diễn ra tập trung hơn và đạt được hiệu quả cao hơn.

\* Đối với hoạt động nói chung:

- Trong quá trình hoạt động của con người, cùng với nhu cầu, hứng thú kích thích hoạt động làm cho con người say mê hoạt động, đem lại hiệu quả cao trong hoạt động của mình.

- Khi có hứng thú thì cá nhân sẽ hoạt động tích cực để chiếm lĩnh đối tượng, để thỏa mãn nhu cầu trong cuộc sống, lúc đó xuất hiện nhu cầu mới cao hơn.

- Công việc nào có hứng thú cao hơn thì người thực hiện nó một cách dễ dàng và hiệu quả cao hơn.

\* Đối với hoạt động nhận thức:

- Là động lực giúp con người tiến hành hoạt động nhận thức hiệu quả, tạo ra động cơ quan trọng của hoạt động.

- Làm tích cực hóa quá trình tâm lý (tri giác, trí nhớ, tư duy, tưởng tượng...)

\* Đối với năng lực:

- Khi chúng ta được làm việc phù hợp với hứng thú, thì dù có vượt qua muôn vàn khó khăn, người ta vẫn cảm thấy thoải mái, làm cho năng lực hoạt

động ấy dễ dàng hình thành, phát triển. Bởi vậy, hứng thú là yếu tố quyết định đến việc hình thành và phát triển năng lực cá nhân.

- Hứng thú và năng lực có quan hệ biện chứng với nhau, cái này làm tiền đề cho cái kia và ngược lại, tài năng sẽ bị mai một nếu hứng thú không thực sự sâu sắc, đầy đủ. Tóm lại, hứng thú không được nuôi dưỡng lâu dài nếu không có năng lực cần thiết để thỏa mãn hứng thú.

## **1.2. HỨNG THÚ HỌC TẬP**

### **1.2.1. Khái niệm hứng thú học tập**

Trong học tập, hứng thú học tập là sự biểu hiện nhiều khía cạnh về các trạng thái tâm lí của người học trong quá trình học tập, nó là một trong những yếu tố quyết định chất lượng học tập. Học sinh không hứng thú với môn học thì không thể có chất lượng học tập tốt được.

Dựa trên khái niệm *hứng thú* vừa nêu trên, ta có thể hiểu “*hứng thú học tập là thái độ lựa chọn đặc biệt của người học đối với đối tượng hoạt động học tập vì sự cuốn hút về mặt tình cảm và ý nghĩa thiết thực của nó trong đời sống cá nhân.*” [17, tr.14]

Hứng thú học tập tạo nên ở người học một khát vọng tiếp cận và đi sâu vào tìm hiểu nắm bắt đối tượng của hoạt động học. Khát vọng này được biểu hiện ở chỗ cá nhân có sự tập trung chú ý cao độ vào nội dung môn học, tự điều chỉnh hoạt động của bản thân sao cho phù hợp với hoạt động học tập nhằm chiếm lĩnh nội dung môn học. Chính vì vậy, khi người học hứng thú với nội dung môn học thì người học cảm thấy thoải mái khi học và đạt kết quả cao trong học tập.

### **1.2.2. Bản chất hứng thú học tập**

\* Hứng thú là kết quả của sự hình thành và phát triển trong đời sống cá nhân. Hứng thú của con người không phải là những thuộc tính có sẵn hay mang tính bẩm sinh. Việc hình thành hứng thú không phải là quá trình tự phát bên trong của bản thân cá nhân mà nó bị quy định bởi môi trường xã hội xung quanh. Hứng thú kèm theo và ảnh hưởng đến sự phát triển cá nhân. Hứng thú như là hiện tượng tâm lý - giáo dục với những tính chất phức tạp bởi vì nó không chỉ phụ thuộc vào con người hướng dẫn, giáo dục, di truyền, khả năng tập trung hứng thú.

\* Hứng thú có liên quan mật thiết với nhu cầu

Hứng thú là một thuộc tính tâm lý mang tính chất cá nhân và liên quan mật thiết với nhu cầu. Nhu cầu là cái có trước còn hứng thú là cái phát triển trên cơ sở nhu cầu. Tuy nhiên, động lực cơ bản thúc đẩy hoạt động của con người không phải là các nhu cầu mà chính là hứng thú, tình cảm, niềm tin, quan điểm xuất hiện trong đời sống xã hội và trong hoạt động phong phú của của con người. Những yếu tố này tham gia vào những quan hệ và liên hệ tương hỗ phức tạp với nhu cầu. Mỗi liên hệ giữa nhu cầu và hứng thú trong một lĩnh vực như hoạt động nhận thức của con người lại càng đặc biệt và nhiều vẻ. Hình thức hứng thú nhận thức đầu tiên là tò mò, đó là sự phản ứng lại hoàn cảnh thay đổi, với sự xuất hiện cái mới ngoài ngoài giới. Sau đó, tính ham hiểu biết xuất hiện, đây chính là hình thức hiệu nghiệm của biểu hiện hứng thú nhận thức. Hứng thú nhận thức có được những đặc điểm của nhu cầu tinh thần ở mức cao khi mà các nhân luôn có những hoạt động tìm tòi, đứng ngồi không yên nếu nguyện vọng hiểu biết của mình không được thỏa mãn.

\* Hứng thú nhận thức là động cơ của hoạt động học tập

Trong quá trình dạy học, hứng thú nhận thức được coi là động cơ học tập. Có thể hiểu, động cơ chính là sức hấp dẫn, lôi cuốn đối tượng mà cá nhân cần chiếm lĩnh để thỏa mãn nhu cầu hay mong muốn của mình . nói ngắn gọn, người học học vì cái gì thì cái đó chính là động cơ học tập của họ. Tuy nhiên, để có động cơ nói chung hay động cơ học tập thì nói riêng trước hết phải có đối tượng ở bên ngoài chủ thể, có giá trị đối với chủ thể và làm nảy sinh ở chủ thể nhu cầu chiếm lĩnh nó. Khi nhu cầu chiếm lĩnh đối tượng đó được cá nhân ý thức, sẽ trở thành động cơ thúc đẩy, định hướng và duy trì hành động. Trong quá trình dạy học, hứng thú luôn luôn có đối tượng của mình , trong đó thể hiện rõ nét xu hướng ở một lĩnh vực bộ môn xác định mà học sinh muốn ngày một hiểu biết sâu sắc về nó.

\* Hứng thú là một phương tiện dạy học

Trong quá trình dạy học và giáo dục, hứng thú là phương tiện nâng cao tính tích cực hoạt động nhận thức của học sinh giúp cho quá trình này trở nên hấp dẫn hơn, lôi cuốn được sự chú ý tự nhiên đối với các em. Chúng ta không thể truyền đạt tất cả những kiến thức về thế giới xung quanh cho học sinh mà phải giúp các em biết lựa chọn những điều cần thiết, có ý nghĩa đối với bản thân để các em chủ động tìm hiểu. Hứng thú nhận thức của học sinh chịu

nhieu ảnh hưởng bởi tài nghệ của người thầy. Hứng thú sẽ trở thành phương tiện giảng dạy đáng tin cậy khi giáo viên sử dụng cùng những phương tiện dạy học khác nhằm giúp cho việc nảy sinh cái mới trong sự phát triển tư duy học sinh.

\* Hứng thú trong dạy học là quá trình tác động từ phía giáo viên và môi trường học tập vào học sinh, khiến các em chú ý, tập trung vào nội dung học tập

Đối tượng tạo hứng thú cho học sinh chính là nội dung các môn học, việc tiếp thu những nội dung này là nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động học tập. Người giáo viên phải khai thác nội dung môn học, xây dựng những “hứng thú ban đầu” tạo kích thích nhu cầu học tập của các em, giúp các em có sự quan tâm đặc biệt vào nội dung môn học. Việc phát triển hứng thú nhận thức trong học sinh là một quá trình phức tạp trở thành đường lối chung trong việc giáo dục và phát triển học sinh. Sự thỏa mãn hứng thú nhận thức không bao giờ dẫn học sinh đến trạng thái bão hòa. Chính vì vậy, người giáo viên cần phải tạo quá trình tạo hứng thú nhận thức một cách thường xuyên và có hệ thống để tránh việc “bộc phát hứng thú” chỉ là hứng thú tạm thời dễ có thể nhanh chóng tàn đi mà không tác động được tới mặt bên trong cũng như thái độ đối với học tập.

### **1.2.3. Các giai đoạn phát triển của hứng thú học tập**

Cũng như mọi thuộc tính tâm lý cá nhân khác, hứng thú tâm lý là một hiện tượng tâm lý phức tạp, được hình thành và phát triển trong hoạt động. Nói cách khác, hứng thú học tập phát triển cùng với sự phát triển của nhân cách thông qua hoạt động mà trong đó cá nhân là chủ thể thực sự của đối tượng nhận thức (quan điểm của A.N Lêonchiev, G.I Sukina, N.G Marôzôva, ....) mặt khác, sự phát triển của hứng thú gắn liền với sự phát triển lứa tuổi.

Song, do cách xác định bản chất của hứng thú khác nhau nên trong tâm lý học, việc phân tích con đường hình thành và phát triển hứng thú cũng không hoàn toàn giống nhau. G.I Sukina trên cơ sở khẳng định nguồn cơ bản của hứng thú nằm trong nội dung tài liệu và trong hoạt động học tập của học sinh đã đưa ra con đường, cách thức để hình thành hứng thú học tập bằng cách chú ý đến việc lựa chọn, cải tiến tài liệu học tập và tổ chức hoạt động học tập của học sinh. Một số nhà tâm lý học khác như: Okôn, Marushkin coi việc dạy học nêu vấn đề là biện pháp cơ bản để hình thành và phát triển hứng thú học tập.

N.G.Marôzôva cho rằng hứng thú được tạo thành con đường tạo ra những quan hệ có ý thức đối với đối tượng.

Mặt khác, hứng thú được hình thành và phát triển qua các giai đoạn khác nhau. Theo N.G.Marôzôva, trong quá trình phát triển cá thể hứng thú nói chung được hình thành và phát triển qua ba giai đoạn. [5, tr.13]

- Giai đoạn 1: Thái độ nhận thức có xúc cảm với đối tượng được xuất hiện dưới dạng những rung động định kỳ. Ở giai đoạn này, cá nhân chưa có hứng thú thực sự. Bản chất của những rung động định kỳ này chính là sự thích thú mang tính chất tình huống do những điều kiện cụ thể, trực tiếp của các tình huống trong quá trình học tập tạo ra.

- Giai đoạn 2: Ở giai đoạn này, những rung động định kỳ được lặp đi lặp lại nhiều lần và được khái quát, bền vững trở thành thái độ nhận thức xúc cảm tích cực với đối tượng, tức là hứng thú được duy trì, thái độ nhận thức – xúc cảm với đối tượng sẽ thúc đẩy học sinh quan tâm tới những vấn đề đặt ra cả trong giờ học lẫn sau khi giờ học đã kết thúc. Hay nói cách khác, ở các em đã có thái độ tích cực khi nhận thức môn học (ví dụ sự tìm tòi, phát hiện ra cái mới). Thế nhưng ở mức độ này vẫn chưa phải là hứng thú thực sự.

- Giai đoạn 3: Nếu thái độ tích cực đó được duy trì, củng cố, khả năng tìm tòi độc lập ở các em thường xuyên được khơi dậy thì thái độ hứng thú có thể trở thành xu hướng cá nhân (xu hướng nhận thức tích cực đã bền vững ở cá nhân). Ở mức độ này, hứng thú nhận thức khiến cho toàn bộ quá trình hoạt động của học sinh có biến đổi. Học sinh sẽ dành thời gian rảnh rỗi của mình vào việc tìm tòi thêm những kiến thức có liên quan đến vấn đề mình hứng thú: Tham quan, ngoại khoá, đọc thêm sách, tìm thêm những người cùng quan tâm đến những vấn đề của mình. Hứng thú bền vững là giai đoạn cao nhất của sự phát triển hứng thú.

Từ sự phân tích ba giai đoạn của sự hình thành và phát triển hứng thú N.G.Marôzôva đã nhận xét: Hứng thú (kể cả hứng thú học tập) có thể được xác định như là một thái độ nhận thức xúc cảm – thái độ này này sinh từ rung động nhận thức xúc cảm, đối với đối tượng hoặc một hoạt động nào đó gây động cơ trực tiếp. Thái độ này diễn ra trong những điều kiện thuận lợi trở thành xu hướng nhận thức – xúc cảm của cá nhân.

### **1.3. HỨNG THÚ HỌC TẬP MÔN TIẾNG VIỆT**

#### **1.3.1. Khái niệm hứng thú học tập môn tiếng Việt**

Hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh là sự yêu thích, say mê nội dung môn học, từ đó học sinh tự giác ý thức và huy động cao độ các chức năng tâm lý để giải quyết các nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra.

Hứng thú học môn Tiếng Việt là thái độ lựa chọn đặc biệt của học sinh đối với quá trình, kết quả lĩnh hội và vận dụng những tri thức tiếng Việt trong quá trình học tập cũng như trong cuộc sống, do thấy được sự hấp dẫn và ý nghĩa thiết thực của môn Tiếng Việt đối với bản thân. Học tốt môn tiếng Việt lớp 1 sẽ trang bị cho học sinh kiến thức, kỹ năng cơ bản nhất để học sinh có thể sử dụng ngôn ngữ như một phương tiện để học tập, vận dụng vào đời sống hằng ngày.

#### **1.3.2. Biểu hiện của hứng thú học tập**

Hứng thú học tập môn Tiếng Việt được biểu hiện trên ba mặt: nhận thức, thái độ - cảm xúc, hành vi.

Về mặt nhận thức, hứng thú học môn Tiếng Việt của học sinh được thể hiện ở việc các em có những nhận thức ban đầu đúng đắn về giá trị, ý nghĩa, tầm quan trọng của môn Tiếng Việt.

Về mặt thái độ- cảm xúc, hứng thú học tập môn Tiếng Việt thể hiện ở việc em có sự say mê, yêu thích đối với học, háo hức chờ đón trước mỗi giờ học, tâm trạng sôi nổi, vui vẻ, hứng khởi trong giờ học và cảm thấy thỏa mãn khi được giải đáp các thắc mắc trong bài tập.

Về mặt hành vi, hứng thú học môn Tiếng Việt thể hiện ở sự tập trung chú ý nghe giảng, giải quyết vấn đề, ghi chép đầy đủ, hăng hái phát biểu xây dựng bài, nêu thắc mắc nếu chưa hiểu bài. Học sinh có tính ham hiểu biết sẽ sẵn sàng học thầy - hỏi bạn, thích tìm tòi nên sẽ chủ động tìm thêm các loại sách để đọc và thường đặt ra câu hỏi để hiểu sâu sắc hơn. Sau giờ học, học sinh sẽ không vội vàng giải tán ngay mà vây quanh giáo viên để đặt câu hỏi hoặc nêu ra những ý kiến thắc mắc của mình trong giờ học.

#### **1.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập môn tiếng Việt**

Hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh tiểu học chịu sự tác động của các yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan.

\* Yếu tố chủ quan:

- Nhận thức của học sinh về vai trò và sự cần thiết của môn Tiếng Việt đối với bản thân. Có những học sinh chưa thấy được rõ tầm quan trọng của môn Tiếng Việt đối với mình, điều này có thể tác động đến hứng thú của các em trong quá trình học tập môn học.

- Thái độ đúng đắn đối với môn học thể hiện ở việc các em vui vẻ, yêu thích, say mê, tích cực trong quá trình học tập trên lớp cũng như ở nhà sẽ ảnh hưởng đến hứng thú của các em. Từ đó, học sinh sẽ tích cực, chủ động, sáng tạo để chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng, kỹ xảo khi học môn này.

Ngoài ra, năng lực, sở thích của học sinh cũng có tác động đến hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4.

\* Yếu tố khách quan:

Nội dung môn học: Mỗi môn học đều có những đặc trưng riêng về nội dung, tính chất, cơ cấu, sự sắp xếp chương trình môn học có ảnh hưởng lớn đến hứng thú học tập môn học của học sinh. Để tạo hứng thú cho học sinh trong quá trình học tập đòi hỏi nội dung của môn học phải thường xuyên cập nhật những thông tin mới xuất phát từ thực tiễn và đáp ứng được nhu cầu nhận thức của học sinh viên quá trình học tập.

Phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức và thái độ giảng dạy của giảng viên: Đây được xem là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến hứng thú học tập ở học sinh. Nếu giảng viên sử dụng đa dạng các phương pháp (đặc biệt là các phương pháp dạy học trực quan), phù hợp với nội dung môn học và đặc điểm của người học sẽ thu hút được học sinh.

Điều kiện vật chất: Tài liệu, sách vở, phương tiện dạy học tuy không phải là yếu tố quyết định nhưng là yếu tố cần thiết tác động đến kết quả học tập của người học. Nếu được học tập trong điều kiện vật chất đầy đủ là yếu tố thuận lợi để nâng cao hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4.

Môi trường học tập: Mối quan hệ với bạn bè, thầy cô, bầu không khí lớp học cũng là yếu tố tác động đến hứng thú học tập của học sinh. Bầu không khí lớp học thoải mái, vui vẻ, sôi động, tích cực thì học sinh sẽ dễ hình thành hứng thú đối với môn học. Ngược lại, học sinh sẽ khó hình thành hứng thú học tập môn học nếu lớp học luôn căng thẳng, đơn điệu, tẻ nhạt...

#### **1.4. CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**

Theo chương trình 2006, Tiếng Việt lớp 4 bao gồm phân môn tập đọc, phân môn kể chuyện, phân môn luyện từ và câu, phân môn chính tả, phân



môn tập làm văn. Ở mỗi phân môn đều được chia ra các phần rõ ràng cùng với các mạch kiến thức và bài tập vận dụng đi kèm giúp học sinh tiếp thu kiến thức bài học tốt hơn mang tính chất học lý thuyết áp dụng thực hành.

Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 4 gồm 2 tập (tập 1 và tập 2). Các bài học gắn với mỗi chủ đề khác nhau tương ứng với các tuần học (3 tuần/chủ đề)

Tập 1 có 5 chủ điểm gắn với 18 tuần (tuần 10 kiểm tra giữa kỳ 1 và tuần 18 ôn tập cuối học kỳ 1); Tập 2 có 5 chủ điểm học gắn với 17 tuần (tuần 28 kiểm tra giữa học kỳ 2 và tuần 35 ôn tập cuối học kỳ II).

Mỗi chủ điểm ở chương trình học lớp 4 đều được đề cập gắn liền với đời sống giản dị, tinh thần yêu thương, san sẻ, đùm bọc giữa con người với con người. Bên cạnh đó hướng người học có một phẩm chất tốt đẹp hơn, có ích hơn trong cuộc sống.

Ở các phân môn:

- Tập đọc: 62 bài tập đọc (45 bài văn xuôi; 1 vở kịch; 17 bài thơ trong đó có 2 bài thơ ngắn dạy trong 1 tiết học). Phân môn tập đọc tiếp tục ôn luyện cách đọc nhưng sẽ đòi hỏi học sinh kỹ năng đọc trơn nâng cao tốt hơn, diễn cảm, tránh đọc vấp

- Chính tả: 31 tiết/ năm, chưa bao gồm các tiết ôn tập (nghe-viết 23 tiết, nhớ-viết 8 tiết ở các đoạn trích trong phần tập đọc). Rèn cho học sinh cách ghi nhớ, phát âm đúng, các từ dễ sai do địa phương cải thiện viết đúng, chính xác không sai chính tả.

- Luyện từ và câu: 2 tiết/tuần. Cấu tạo của các tiếng; danh động từ, câu, thành phần các câu, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang (ngữ pháp); biện pháp tu từ so sánh và nhân hoá. Hình thành cho học sinh nâng cao kiến thức tiếng Việt đồng thời tạo kỹ năng giao tiếp phù hợp với các chuẩn mực văn hoá trong xã hội.

- Kể chuyện: 2 tiết/tuần, học sinh nghe thầy cô kể, các bạn trong lớp kể, đã từng nghe hay là chứng kiến một câu chuyện nào đó. Hướng dẫn học sinh cách kể chuyện, kể đúng không bịa đặt, sử dụng ngôn từ dễ hiểu tóm tắt được câu chuyện, các lời thoại của nhân vật.

- Tập làm văn: 2 tiết/ tuần hướng dẫn học sinh cách viết văn kể chuyện hoặc miêu tả về con người, sự vật sự việc, các bối cảnh. 10 tiết miêu tả vật; 10 tiết miêu tả cây cối; 10 tiết miêu tả sự vật. Hình thành học sinh khả năng tìm từ, tìm ý, lập dàn ý để viết nên câu từ câu sang đoạn, liên kết đoạn văn thành bài văn.

Tiếng việt lớp 4 luôn xoay quanh những vấn đề về cuộc sống thực hàng ngày cùng với phẩm chất, tinh thần của con người.

### **1.5. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ LỨA TUỔI HỌC SINH TIỂU HỌC**

Lứa tuổi học sinh tiểu học có độ tuổi giao động từ 6 tuổi đến 11-12 tuổi. Tương ứng với số lớp từ lớp 1 đến lớp 5 đang học ở nhà trường tiểu học. Ở lứa tuổi này giữ vị trí đặc biệt rất quan trọng, là thời kỳ có thể nói là nền móng mở đầu của cả một giai đoạn phát triển rất quan trọng đối với trẻ em: giai đoạn tuổi HS. Ở lứa tuổi này, được cấu tạo hình thành nên tâm lý mới vững chắc làm nền móng cho sự phát triển tâm lý sau này

- Đặc điểm phát triển trí tuệ của lứa tuổi học sinh tiểu học

+ *Cảm giác*: Trong hoạt động học tập, vui chơi và lao động, các quá trình cảm giác về hiện thực bên ngoài đã có sự phát triển khá nhanh. Những cảm giác thu được đã trở thành “*vật liệu*” để xây dựng những tri thức mới. Tuy nhiên, ở độ tuổi này, năng lực cảm giác của HS tiểu học chưa hoàn thiện.

+ *Tri giác*: Tri giác của HS tiểu học phát triển khá nhanh; đặc biệt là tri giác những thuộc tính bề ngoài của sự vật và hiện tượng. Tri giác không chủ định chiếm ưu thế. Ở giai đoạn đầu lứa tuổi, các em còn tri giác phiến diện, chưa đầy đủ. Càng về cuối độ tuổi, tri giác của các em ngày càng đầy đủ và trọn vẹn hơn. Một số em bộc lộ khả năng quan sát các sự vật, hiện tượng nhanh, chính xác và đầy đủ. Ở độ tuổi này các em dễ thích nghi với tín hiệu I và phương pháp giảng dạy trực quan của thầy, cô giáo.

+ *Trí nhớ*: Ở HS tiểu học, cả hai loại ghi nhớ đều phát triển. Ở đầu độ tuổi, các em thiên về ghi nhớ trực quan hình ảnh, ghi nhớ máy móc. Càng về cuối độ tuổi thì ghi nhớ từ ngữ và ghi nhớ hình tượng càng phát triển.

+ *Chú ý*: Sự phát triển chú ý của HS tiểu học được thể hiện rõ rệt ở các loại chú ý, trong đó chú ý không chủ định vẫn còn chiếm ưu thế, chú ý có chủ định đang phát triển.

+ *Tư duy*: Tính chất của hoạt động học tập trong giai đoạn này đã thúc đẩy tư duy của HS tiểu học phát triển nhanh chóng. Ở đầu độ tuổi, hình thức tư duy chủ yếu của các em là tư duy trực quan, tư duy cụ thể. Về cuối độ tuổi, tư duy của HS tiểu học chuyển dần sang hình thức tư duy hình tượng và tư duy trừu tượng. Đặc điểm chủ yếu trong sự phát triển tư duy của lứa tuổi này là tư duy mang màu sắc cảm xúc. Trong học tập, bước đầu các em đã vận dụng được các thao tác tư duy để hình thành khái niệm. Ở một số em, khả năng trừu tượng hoá

và khái quát hoá đạt đến mức độ sâu sắc và đúng đắn. Các em có thể giải quyết được những tình huống hoặc những bài toán tư duy khá phức tạp. Tuy nhiên, vẫn còn những em chưa thể tự mình suy nghĩ logic mà phải dựa vào người lớn.

+ *Tưởng tượng*: Trí tưởng tượng của HS tiểu học phát triển hơn so với tuổi mẫu giáo. Tuy vậy, tưởng tượng của các em còn mang tính chất tản mạn, ít có tổ chức. Gần về cuối độ tuổi tưởng tượng của các em gần với hiện thực hơn.

+ *Ngôn ngữ*: Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết của HS tiểu học có sự thay đổi về chất lượng. Các em biết đọc, viết đúng ngữ pháp; biết lựa chọn từ để diễn đạt được ý của mình... Tuy nhiên, có một số em còn phát âm sai, dùng sai từ, viết sai chính tả ... Vì vậy, người lớn cần hướng dẫn các em đọc, viết đúng ngữ pháp; cần phải bồi dưỡng vốn từ, phương pháp diễn đạt ý cho các em.

- Đặc điểm phát triển nhân cách của lứa tuổi HS tiểu học:

+ *Đời sống tình cảm của HS tiểu học*:

Ở độ tuổi này, đời sống tình cảm đã trở thành vấn đề cơ bản và nổi bật nhất trong bộ mặt tâm lý của các em. Tình cảm là nhân lõi quan trọng trong đời sống tâm lý và nhân cách của HS tiểu học.

Đặc điểm bao trùm trong đời sống tình cảm của HS tiểu học là các em giàu cảm xúc và sống bằng cảm xúc. HS tiểu học rất dễ xúc động trước các tác động của thế giới. Các em thường thể hiện cường độ cảm xúc mạnh mẽ, khóc cười rất hồn nhiên. Khả năng tự kiềm chế của HS tiểu học còn yếu. Đây là tuổi dễ cười, dễ khóc, tình cảm của các em có nội dung phong phú, đa dạng và ngày càng ổn định hơn.

Nhìn chung, tình cảm của HS tiểu học nhiều khi còn biểu hiện chưa ổn định. Các em hay thay đổi tâm trạng, dễ xúc động, các mức độ và các loại xúc cảm biểu hiện nhanh, dễ thay đổi, dễ vui mừng hoặc dễ lo sợ.

Sự nảy sinh xúc cảm và tình cảm của HS tiểu học thường gắn với những tình huống cụ thể trong hoạt động của các em. Ở độ tuổi này, các loại tình cảm cao cấp đang được hình thành và phát triển, đặc biệt là tình cảm đạo đức và tình cảm trí tuệ.

HS tiểu học rất thích đọc truyện, đặc biệt là những truyện khoa học, văn nghệ có tính chất ly kỳ. Các em hay tò mò tìm hiểu sự vật hiện tượng xung quanh và những mối quan hệ quanh mình để nhận thức thế giới. Tình cảm thẩm mỹ cũng phát triển nhanh chóng. Các em yêu mến cái đẹp trong thiên nhiên, ở con người, yêu thế giới cỏ cây, động vật, đồng thời thích nhạc hoạ, ca hát. Tình

cảm đạo đức của HS tiểu học đang hình thành và phát triển. Các em kính trọng bố mẹ, thầy cô giáo. Ở độ tuổi này, uy tín của thầy cô có ảnh hưởng lớn đối với các em.

Tình bạn của các em đang hình thành và phát triển mạnh. Tuy nhiên, tình bạn của HS tiểu học còn thiên về cảm tính. Mức độ tình cảm chưa bền vững, các em rất dễ thân nhau nhưng cũng rất dễ giận nhau. Một số tình cảm rộng lớn khác như tình yêu tổ quốc, yêu lao động, tinh thần tự hào dân tộc, tình cảm quốc tế, lòng căm thù giặc sâu sắc... cũng được hình thành và phát triển ở HS tiểu học.

+ Đặc điểm về ý chí và tính cách của HS tiểu học:

Những phẩm chất ý chí của HS tiểu học đang hình thành và phát triển nhưng chưa ổn định. Ở HS tiểu học, đặc điểm nổi bật nhất của ý chí là tính độc lập phát triển chưa cao; các em thường phải dựa vào ý kiến của người lớn trong gia đình và thầy cô giáo. Ở HS tiểu học năng lực tự chủ đã được hình thành nhưng còn yếu, tính tự phát còn bộc lộ rõ.

Các em hay dao động giữa cái đúng và cái sai nên dễ vi phạm kỷ luật. Ở một số em còn biểu hiện tính thất thường và bướng bỉnh. Do đó, ở nhà trường, cần tổ chức các hoạt động để rèn luyện ý chí cho các em; người lớn cần giáo dục cho các em tính độc lập, tự chủ, tinh thần dũng cảm và ý chí quyết tâm cao trong công việc.

Về tính cách, HS tiểu học rất hiếu động, hay bắt chước. Các em biết biểu lộ thái độ đối với xã hội và người khác. Ở nhiều em, tính thật thà và dũng cảm được thể hiện rõ. Nhìn chung, tính cách của HS tiểu học đang được hình thành trong mọi hoạt động: học tập, lao động, vui chơi và cả những hoạt động xã hội khác. Tính cách của các em chưa ổn định. Một số em còn có hiện tượng bướng bỉnh, khó bảo...

+ Đặc điểm về hứng thú và ước mơ của HS tiểu học:

Hứng thú và ước mơ của HS tiểu học đang phát triển. Do tưởng tượng phát triển nên các em hứng thú với nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, hứng thú của các em ít bền vững, dễ thay đổi. Về cuối độ tuổi, hứng thú học tập dần thay thế cho hứng thú vui chơi của các em. HS tiểu học hứng thú đồng đều với các môn học; các em thích đọc sách, lao động, xem phim, nghe kể chuyện cổ tích và chơi thể thao. HS tiểu học có nhiều mơ ước, tuy nhiên, mơ ước của các em nhiều khi còn xa rời thực tế.

## TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Hứng thú là một hiện tượng tâm lý rất phức tạp, là một trong những yếu tố hợp thành của xu hướng nhân cách, được duy trì trong quá trình hoạt động, trong sự phát triển nhân cách của con người.

Hứng thú tạo sự tập trung chú ý cao độ bởi sự say mê, hấp dẫn của đối tượng, do đó dù khó khăn vẫn cố gắng vượt qua. Vì vậy, hứng thú là động lực thúc đẩy con người hoạt động đạt hiệu quả cao. Hứng thú còn là nguồn kích thích mạnh mẽ làm cho các quá trình nhận thức diễn ra với tốc độ nhanh, có chiều sâu và có hiệu quả. Trong hoạt động học tập, hứng thú làm cho các quá trình cảm giác, tri giác, trí nhớ, tưởng tượng và tư duy diễn ra tập trung hơn và đạt được hiệu quả cao hơn.

Hứng thú học tập là thái độ lựa chọn đặc biệt của người học đối với đối tượng hoạt động học tập vì sự cuốn hút về mặt tình cảm và ý nghĩa thiết thực của nó trong đời sống cá nhân. Hứng thú học tập tạo nên ở người học một khát vọng tiếp cận và đi sâu vào tìm hiểu nắm bắt đối tượng của hoạt động học. Khát vọng này được biểu hiện ở việc cá nhân có sự tập trung chú ý cao độ vào nội dung môn học, tự điều chỉnh hoạt động của bản thân sao cho phù hợp với hoạt động học tập nhằm chiếm lĩnh nội dung môn học. Chính vì vậy, khi người học hứng thú với nội dung môn học thì người học cảm thấy thoải mái khi học và đạt kết quả cao trong học tập.

Hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh là sự yêu thích, say mê nội dung môn học, từ đó học sinh tự giác ý thức và huy động cao độ các chức năng tâm lý để giải quyết các nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra. Hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh được biểu hiện thông qua ba mặt: nhận thức, thái độ, cảm xúc, hành vi.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HỨNG THÚ HỌC TẬP MÔN TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH LỚP 4 Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC KHÁNH PHÚ**

### **2.1. VÀI NÉT VỀ ĐỊA BÀN VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU**

Trường tiểu học Khánh Phú được tách ra từ trường Phổ thông Cơ sở Khánh Phú từ tháng 9 năm 1990, nhà trường luôn có truyền thống thi đua dạy tốt, học tốt luôn đạt danh hiệu “Đơn vị Tiên Tiến”; “Đơn vị xuất sắc”.

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế xã hội giáo dục và đào tạo có bước tiến bộ vượt bậc. Quy mô phát triển các ngành học, bậc học đáp ứng đủ nhu cầu học tập của học sinh và người lao động; Chất lượng giáo dục có chuyển biến rõ nét cả đại trà và mũi nhọn; Công tác xã hội hoá giáo dục có bước tiến mới, cơ sở vật chất được tăng cường, trường lớp khang trang, sạch. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của nhà trường tương đối đầy đủ, đảm bảo cho các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả đáp ứng được yêu cầu CTGDPT 2018

Toàn trường có 32 cán bộ, giáo viên, nhân viên; cán bộ quản lý 3 người; giáo viên đứng lớp 25; nhân viên kế toán, văn thư, y tế, thư viện 4 người; trường có Chi bộ Đảng, có tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chức, đoàn thể hoạt động có hiệu quả cao. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có phẩm chất đạo đức trong sáng, nhiệt tình, trách nhiệm và trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt; 100% cán bộ, giáo viên nhà trường có trình độ chuyên môn nghiệp vụ khá tốt, trình độ đào tạo phần lớn đều đạt chuẩn so với yêu cầu.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của nhà trường tương đối đầy đủ, đảm bảo cho các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả đáp ứng được yêu cầu CTGDPT 2018.

Hàng năm trường Tiểu học Khánh Phú kết hợp với uỷ ban xã triển khai thực hiện tốt ngày toàn dân đưa trẻ đến trường, huy động được 100% trẻ trong độ tuổi (từ 6 đến 10 tuổi) đến lớp học. Tổ chức tốt các hoạt động ngoại khoá trong nhà trường, gây hứng thú cho học sinh trong học tập và đã đạt được kết quả cao, tỷ lệ chuyên cần trong năm học đạt 99,9%. Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học. Mỗi năm làm tốt công tác điều tra cơ bản ngay từ đầu tháng 8, củng cố, bổ sung kịp thời các loại hồ sơ phổ cập. Lãnh đạo nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa

phương về nhiệm vụ năm học của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT. Quản lý tốt về chính trị tư tưởng, làm tốt công tác tuyên truyền để cán bộ giáo viên nắm vững và gương mẫu thực hiện những chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và nhà nước, những quy định của địa phương. Thường xuyên chú trọng công tác giáo dục tư tưởng chính trị, nâng cao nhận thức trách nhiệm cho đội ngũ, vì vậy mọi giáo viên đều yên tâm, phấn khởi công tác, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên, tạo điều kiện để cho giáo viên dự học các lớp chuyên đề, lớp tập huấn do Sở GD&ĐT Ninh Bình, Phòng GD&ĐT Yên Khánh tổ chức. Trường Tiểu học Khánh Phú luôn nhận được quan tâm của chính quyền địa phương, Hội cha mẹ học sinh đặc biệt là sự chỉ đạo sát sao bởi Phòng GD&ĐT huyện Yên Khánh.

Trong năm học 2022-2023, chương trình giảng dạy khối lớp 4 là chương trình giáo dục hiện hành 2006. Khối lớp 4 của trường Tiểu học Khánh Phú có 118 học sinh chia thành 3 lớp học 4A, 4B, 4C. Lớp 4A có 10 học sinh nam, 29 học sinh nữ; lớp 4B có 19 học sinh nam; 19 học sinh nữ; lớp 4C có 19 học sinh nam, 23 học sinh nữ. Giáo viên chủ nhiệm dạy các lớp đều là những thầy cô có trình độ chuyên môn đều đạt chuẩn theo quy định.

## **2.2. TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU**

### **2.2.1. Mục đích khảo sát**

Khảo sát về thực trạng hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 trường tiểu học Khánh Phú, từ đó, đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hứng thú học tập của học sinh lớp 4 đối với môn Tiếng Việt.

### **2.2.2. Nội dung khảo sát**

- Đánh giá của giáo viên về hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 trường tiểu học Khánh Phú
- Thực trạng hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 trường tiểu học Khánh Phú
- Các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 trường tiểu học Khánh Phú
- Đề xuất các biện pháp nâng cao hứng thú học tập môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 4

### **2.2.3. Cách thức, thời gian tiến hành khảo sát**

- Bước 1: Tiến hành khảo sát

Gửi phiếu điều tra cho giáo viên và học sinh các lớp 4A, 4B, 4C để tìm hiểu về thực trạng hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 trường tiểu học Khánh Phú.

Quan sát hoạt động học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 trường tiểu học Khánh Phú về thái độ, hành vi, tính tích cực học tập môn Tiếng Việt.

Tiến hành đàm thoại với giáo viên dạy bộ môn Tiếng Việt lớp 4 và một số học sinh nhằm làm rõ thực trạng, các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 trường tiểu học Khánh Phú. .

- Bước 2: Xử lý kết quả khảo sát

Sử dụng công thức toán học trong xử lý số liệu.

- Bước 3: Phân tích thực trạng, tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng đó và đề xuất biện pháp

## **2.3. Kết quả khảo sát**

### **2.3.1. Đánh giá của giáo viên về hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 trường tiểu học Khánh Phú**

#### **2.3.1.1 Đánh giá của giáo viên về tầm quan trọng môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 biểu hiện qua nhận thức**

Giáo viên cho rằng học sinh lớp 4 nhận thức được vai trò quan trọng của môn Tiếng Việt đối với các em, điều này được thể hiện trong câu hỏi " Theo thầy/cô, học sinh lớp 4 có nhận thức được vai trò quan trọng của môn Tiếng Việt đối với các em không?". 100% giáo viên lựa chọn là học sinh nhận thức được vai trò của môn Tiếng Việt.

Tuy nhiên, qua phỏng vấn sâu, giáo viên cho biết mặc dù học sinh nhận thức được vai trò của môn Tiếng Việt nhưng ở các mức độ khác nhau, có em nhận thức tốt, cố gắng trong quá trình học tập, cũng có những em nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của môn Tiếng Việt nên còn chưa thực sự hứng thú với môn học.

Qua việc trưng cầu ý kiến của giáo viên, chúng tôi đã thu được kết quả cho câu hỏi "Thầy (cô) thấy môn Tiếng Việt có vai trò quan trọng như thế nào trong việc giáo dục học sinh lớp 4" như sau: 66,7% giáo viên chọn phương án "rất quan trọng" và 33,3% giáo viên cho rằng môn Tiếng Việt có vai trò "quan trọng".

Điều này cho thấy các giáo viên đều nhận thấy việc học tập môn Tiếng Việt là cần thiết đối với học sinh Tiểu học. Tiếng Việt không chỉ giúp bản



thân người học lĩnh hội kiến thức mà còn giúp phát triển nhân cách, phát huy tích cực trong việc vận dụng các kiến thức vào thực tiễn, tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui và hứng thú học tập cho học sinh.

### **2.3.1.2. Đánh giá của giáo viên về hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 biểu hiện qua thái độ - cảm xúc**

Để có thể làm rõ hơn về hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 biểu hiện qua cảm xúc, chúng tôi đã tiến hành khảo sát “*Thầy (cô) cho biết mức độ yêu thích của học sinh đối với các phân môn Tiếng Việt*”. Kết quả như sau:

***Bảng 2.1: Đánh giá của giáo viên về mức độ yêu thích của học sinh đối với các phân môn Tiếng Việt***

STT	Phân môn	ĐTB
1	Tập đọc	1,00
2	Tập viết - chính tả	1,67
3	Luyện từ và câu	2,00
4	Tập làm văn	1,67
5	Kể chuyện	1,50

*Mức độ yêu thích: 1: thích*

*2: bình thường*

*3: không thích*

Kết quả ở bảng cho thấy giáo viên đánh giá mức độ yêu thích của học sinh lớp 4 có sự chênh lệch, cụ thể: phân môn tập đọc ĐTB = 1,00; phân môn Tập viết và chính tả ĐTB = 1,67; phân môn Luyện từ và câu có ĐTB= 2,00; phân môn Tập làm văn có ĐTB= 1,67; phân môn Kể chuyện có ĐTB= 1,50. Như vậy, giáo viên đánh giá học sinh lớp 4 yêu thích phân môn Luyện từ và câu nhất, phân môn ít yêu thích nhất là tập đọc.

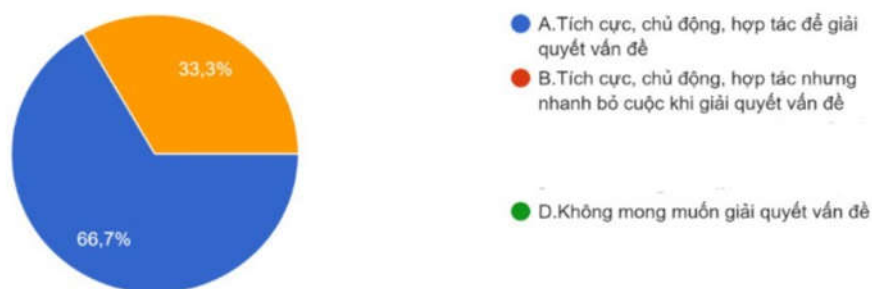
Qua trò chuyện với các giáo viên chủ nhiệm thì chúng tôi được các cô chia sẻ rằng, trong quá trình dạy học phân môn tập đọc thường có thời lượng dài hơn các phân môn khác nên có lẽ các em thấy mệt, khó tập trung. Ngược lại, với phân môn Luyện từ và câu được giáo viên đánh giá học sinh thích nhất, giáo viên cũng chia sẻ với chúng tôi rằng hiện nay, các phương tiện tra cứu thông tin rất phát triển và học sinh được tiếp xúc và sử dụng internet một cách thành thạo nên việc các em có thể sao chép hay sử dụng các tài liệu là một lợi thế giúp các em phong phú các vốn từ, rèn luyện cách sử dụng

câu một cách trôi chảy. Tuy nhiên điều đó cũng làm cho các em chán nản, lười suy nghĩ, sáng tạo, học sinh làm bài tập một cách rập khuôn, máy móc.

Khi được hỏi trong tiết Tiếng Việt, thầy/cô thấy học sinh thường có các biểu hiện nào, kết quả là đa số thầy(cô) đều đánh giá trong giờ học, học môn Tiếng Việt học sinh thường vui vẻ, hăng hái, tích cực sôi nổi, thoải mái sau khi hoàn thành bài tập. Và ít khi có tình trạng chán nản, mệt mỏi, buồn ngủ. Và chính giáo viên cũng nhận thấy cảm xúc của học sinh sau khi kết thúc giờ học Tiếng Việt

Sau khi kết thúc tiếng Tiếng Việt, theo đánh giá của giáo viên là đa số học sinh “rất thường xuyên” và “thường xuyên” cảm thấy tiếc nuối, cảm thấy vui vẻ khi được chia sẻ thảo luận với bạn bè (ĐTB rất thường xuyên = 2,33; ĐTB thường xuyên = 2,33). Tuy nhiên, cũng có một bộ phận học sinh thấy chán nản, mệt mỏi khi kết thúc giờ học.

Khi giáo viên giao bài tập khó, học sinh thường có thái độ như sau:



**Biểu đồ 2.1: Thái độ của học sinh khi giáo viên giao một bài tập khó.**

66,7% thầy(cô) lựa chọn đáp án “tích cực, chủ động, hợp tác giải quyết vấn đề”; còn lại có 33,3% thầy(cô) lựa chọn đáp án “không suy nghĩ, không giải quyết vấn đề nếu vấn đề ấy học sinh chưa tiếp xúc” kết quả này cho thấy thầy/cô đánh giá đa số các em đã có thái độ tích cực, tự giác, chủ động khi được thầy cô giao nhiệm vụ khó; ngược lại, vẫn còn một bộ phận học sinh chưa có thái độ tích cực khi gặp nhiệm vụ khó trong môn học, chưa tích cực, vận dụng các kiến thức.

Qua kết quả khảo sát, đánh giá của giáo viên về hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 được biểu hiện thông qua thái độ- cảm xúc khá tích cực, nhiều học sinh đã có sự yêu thích môn học.

### 2.3.1.3. Đánh giá của giáo viên về tầm quan trọng môn Tiếng Việt của sinh lớp 4 trường Tiểu học Khánh Phú biểu hiện qua hành vi

Để thấy được đánh giá của giáo viên về hứng thú học môn Tiếng Việt của sinh lớp 4 trường Tiểu học Khánh Phú biểu hiện qua hành vi, chúng tôi sử dụng câu hỏi “*Khi gặp vấn đề chưa hiểu, học sinh có hỏi thầy(cô) không?*”. Kết quả cho thấy 100% thầy (cô) đều lựa chọn đáp án “Có”. Qua phỏng vấn sâu, giáo viên N.T.T cho biết “*Khi có vấn đề chưa hiểu, trong giờ học hoặc sau tiết học các em vẫn thường xuyên hỏi tôi để các em tìm ra câu trả lời*”. Điều này cho thấy học sinh cũng đã tự giác, tích cực tìm hiểu các kiến thức môn học.

Khi hỏi giáo viên: “*Trong giờ học Tiếng Việt, thầy(cô) thấy học sinh lớp mình có những biểu hiện dưới đây ở mức độ nào?*” Chúng tôi thu được kết quả như sau:

**Bảng 2.2: Đánh giá của giáo viên về hành vi của học sinh trong giờ học Tiếng Việt**

STT	Nội dung	Số lượng	Số liệu phần trăm	ĐTB
1	Hăng hái giơ tay phát biểu xây dựng bài	78	66,1%	2,00
2	Giúp đỡ, trao đổi, chia sẻ kiến thức với các bạn	40	33,8%	1,60
3	Hoàn thành các nhiệm vụ học tập	118	100%	3,00
4	Viết bài trên lớp	118	100%	3,00

*Mức độ yêu thích: 1: thích*

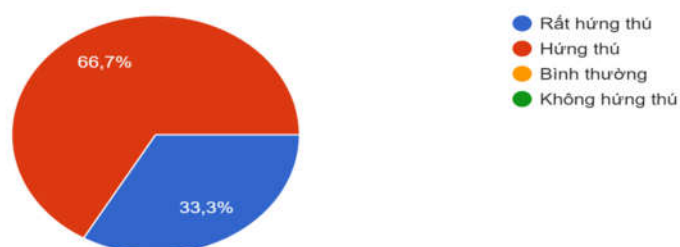
*2: bình thường*

*3: không thích*

Trong giờ học Tiếng Việt, thầy(cô) đánh giá học sinh lớp 4 khi học môn tiếng Việt có giơ tay phát biểu xây dựng bài nhưng mức độ chưa cao (ĐTB=2,0). Giáo viên chia sẻ rằng có những em biết nhưng ngại, sợ giơ tay, còn rụt rè. Giáo viên đánh giá học sinh “hoàn thành các nhiệm vụ học tập” tốt (ĐTB= 3,00) là một trong các biểu hiện có thể thấy học sinh có tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác học bài, tích lũy kiến thức, nỗ lực giải quyết các nhiệm vụ

học tập; còn biểu hiện “viết bài trên lớp” (ĐTB= 3,00) một kết quả có thể thấy đa số học sinh nghiêm túc, ghi chép lại đầy đủ trong giờ học. Tuy nhiên, học sinh lớp 4 trong môn Tiếng Việt lại ít “giúp đỡ, trao đổi, chia sẻ kiến thức với các bạn” (ĐTB=1,60) cho thấy các em chưa thực sự biết hợp tác, chia sẻ trong quá trình học tập.

Trong quá trình dạy thầy(cô) cảm thấy mức độ hứng thú của học sinh mình dạy như thế nào đối với môn Tiếng Việt? Chúng tôi khảo sát câu hỏi 5 của giáo viên: “*Thầy(cô) đánh giá như thế nào về mức độ hứng thú môn Tiếng Việt của học sinh lớp mình dạy?*” Dưới cái nhìn của thầy cô chúng tôi đã thu được kết quả như sau:



**Biểu đồ 2.2: Đánh giá của giáo viên về mức độ hứng thú của học sinh**

Thầy (cô) đánh giá 33.3% lựa chọn học sinh đã “rất hứng thú” với môn học Tiếng Việt và còn lại 66,7% thầy(cô) lựa chọn “hứng thú”. Nhìn chung với kết quả này cho thấy thầy cô đánh giá học sinh lớp 4 có hứng thú với môn Tiếng Việt.

### **2.3.2. Thực trạng hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 trường tiểu học Khánh Phú**

#### **2.3.1. Hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 biểu hiện qua mặt nhận thức**

Để tìm hiểu về hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 biểu hiện qua mặt nhận thức, chúng tôi đã sử dụng câu hỏi trong phiếu điều tra “*Em thấy môn Tiếng Việt có lợi ích gì với mình?*” kết quả như sau:

**Bảng 2.3: Lợi ích của môn Tiếng Việt đối với bản thân**

STT	Lợi ích của môn Tiếng Việt	Số lượng	Phần trăm
1	Giúp em nghe, nói, đọc, viết tốt hơn	87	73,72%
2	Không rõ	20	16,94%
3	Không có lợi ích gì	11	9,32%

Đa phần học sinh đã nhận thức được lợi ích của môn Tiếng Việt đối với bản thân. Cụ thể số học sinh nhận thức được lợi ích của môn Tiếng Việt chiếm 73,72%. Tuy nhiên, vẫn còn những học sinh chưa nhận thức được tầm quan trọng của môn Tiếng Việt đối với bản thân. Cụ thể có 16,94% học sinh không rõ lợi ích của môn Tiếng Việt đối với bản thân và có 9,32% số học sinh nhận thấy không có lợi ích gì khi học môn Tiếng Việt.

So sánh giữa lớp 4A, 4B, 4C chúng tôi nhận thấy học sinh lớp 4B có nhận thức tốt hơn về vai trò của môn Tiếng Việt (điểm trung bình là 1,66), tiếp đến là lớp 4C (1,38) và cuối cùng là lớp 4A (1,1).

Qua phỏng vấn sâu, học sinh P.M.B.A lớp 4C cho biết “*Cô giáo và mẹ đã nói cho em trong lúc học là môn này quan trọng. không đọc được thì em không làm toán được ạ!*”. Học sinh T.B.Y lớp 4A qua trao đổi phỏng vấn em đã trả lời “*em không biết học Tiếng Việt để làm gì. Em thích học Toán hơn*”. Điều này cũng đã ảnh hưởng tới hứng thú học tập môn Tiếng Việt ở các em học sinh tiểu học lớp 4.

Qua đây, chúng tôi nhận thấy hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh tiểu học lớp 4 thể hiện qua nhận thức là ở mức độ cao. Các em nhận thức được tầm quan trọng của môn Tiếng Việt là để hiểu và giao tiếp, phát triển năng lực ngôn ngữ đến phát triển tư duy. Bên cạnh đó vẫn còn một bộ phận học sinh nhận thức chưa đúng, chưa chính xác về lợi ích của môn Tiếng Việt.

### **2.3.2. Hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 biểu hiện qua mặt thái độ - cảm xúc**

Để tìm hiểu về hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 biểu hiện qua thái độ chúng tôi đã tiến hành khảo sát thông qua câu hỏi “*Em hãy đánh giá mức độ yêu thích của em đối với các môn học sau đây*” và kết quả như sau:

**Bảng 2.4: Mức độ yêu thích các môn học**

STT	Môn học	Mức độ						Điểm trung bình
		Rất thích		Bình thường		Không thích		
		Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	
1	Toán	78	66,1%	20	16,9%	20	16,9%	1,5
2	Tiếng Việt	70	59,3%	33	27,9%	15	12,7%	1,56
3	Khoa học	44	37,2%	55	46,6%	19	16,1%	1,79
4	Tiếng Anh	58	49,1%	35	29,6%	25	21,1%	1,8
5	Lịch sử và địa lí	55	46,6%	47	39,8%	16	13,5%	1,73
6	Âm nhạc	77	65,2%	30	25,4%	11	9,3%	1,49
7	Mỹ thuật	70	59,3%	31	26,2%	17	14,4%	1,61
8	Đạo đức	46	38,9%	52	44%	20	16,9%	1,56
9	Tin học	77	65,2%	35	29,6%	6	5%	1,6
ĐTB chung								1,62

*Mức độ yêu thích: 1: thích*

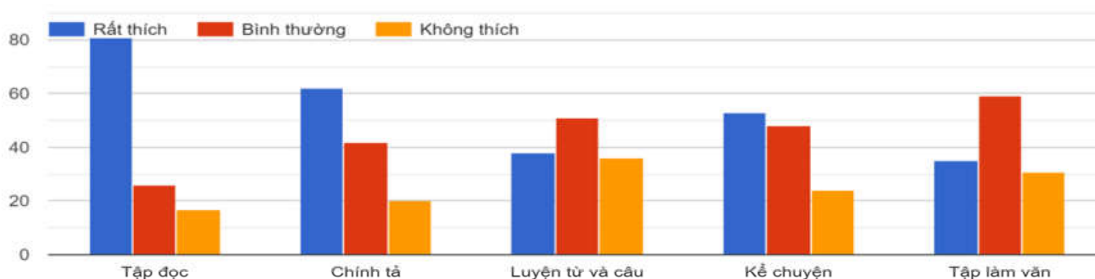
*2: bình thường*

*3: không thích*

Kết quả cho thấy các môn học được học sinh yêu thích hơn là môn tiếng Anh (1,8), môn Khoa học (1,79), tiếp đến là môn Lịch sử và Địa lý (1,73); các môn học học sinh yêu thích ít hơn là Mỹ thuật (1,61), Tiếng Việt (1,56); Toán (1,5); môn học sinh ít yêu thích nhất là Âm nhạc (1,49). Khi trò chuyện với học sinh T.T.A (4B), em nói rằng: "*Ngày trc em thích học Tiếng Việt nhưng giờ em thấy khó nên không thích nữa*". Do càng lên cao chương trình học cũng được nâng theo, vận dụng từ ngữ viết câu logic, khả năng đọc và tìm hiểu bài, ghi nhớ một lượng kiến thức không hề nhỏ như ở lớp dưới có thể là nguyên nhân khiến các em ít yêu thích Tiếng Việt hơn so với một số môn học.

So sánh giữa các lớp, chúng tôi nhận thấy học sinh 4B (ĐTB 1,7) có sự yêu thích môn Tiếng Việt cao hơn so với 4A (ĐTB 1,3) và 4C (ĐTB 1,45).

Môn Tiếng Việt được chia thành các phân môn, mỗi phân môn đều đảm nhiệm các vai trò riêng của nó và đối với chương trình học Tiếng Việt lớp 4 gồm có 5 phân môn là tập đọc, chính tả, luyện từ và câu, kể chuyện, tập làm văn.



***Biểu đồ 2.3: Mức độ yêu thích của học sinh đối với các phân môn Tiếng Việt***

Phân môn tập đọc lớp 4 tiếp tục củng cố, nâng cao kỹ năng đọc trơn, đọc thầm đã được hình thành và phát triển ở các lớp dưới, đồng thời rèn luyện kỹ năng đọc diễn cảm, đọc - hiểu các văn bản. Khi khảo sát chúng tôi đã thấy rằng học sinh lựa chọn yêu thích nhất Tập đọc được chiếm tỉ lệ cao nhất cụ thể là 17,9%, còn phân môn Tập làm văn chiếm tỉ lệ thấp nhất là 7,7 %; số còn lại ở 3 phân môn học sinh chọn mức bình thường hoặc không thích nhiều.

So sánh giữa các lớp 4 về phân môn chúng tôi nhận thấy lớp 4B (ĐTB 1,9) có mức độ yêu thích cao hơn so với lớp 4A (ĐTB 1,56) và 4C (ĐTB 1,73).

Để tìm hiểu rõ hơn về hứng thú học Tiếng Việt của học sinh lớp 4 trường Tiểu học Khánh Phú, chúng tôi đã đặt ra câu hỏi trong phiếu khảo sát “*Mỗi khi có giờ học Tiếng Việt, em cảm thấy như thế nào?*”, kết quả được thể hiện trong biểu đồ sau:

**Bảng 2.5: Cảm xúc của học sinh khi có giờ học Tiếng Việt**

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Cảm xúc</i>	
		<i>Số lượng</i>	<i>Phần trăm</i>
1	Mong chờ, háo hức	83	70,33%
2	Không có tâm trạng gì	26	22,03%
3	Muốn giờ học đến chậm	9	7,62%

Với câu hỏi này, 70.33% học sinh chọn đáp án A là “mong chờ, háo hức”, số học sinh này có thể cho thấy học sinh cũng đã có cảm xúc tích cực chờ đợi giờ học Tiếng Việt; có 22,03% số học sinh chọn đáp án B là “không có tâm trạng gì”; số còn lại chọn đáp án C là “muốn giờ học đến chậm” chiếm tỉ lệ 7.62%. Học sinh N.V.N cho biết: “*Em viết xấu, cô hay mắng với mỗi tay lắm! Nên không muốn học môn này*”. Khi so sánh giữa các lớp, học sinh lớp 4B (ĐTB 1,61) có cảm xúc tích cực hơn, mong chờ đến giờ học Tiếng Việt hơn so với lớp 4A (ĐTB 1,3) và 4C (ĐTB 1,48). Có nhiều nguyên nhân trong giờ học là do người hướng dẫn chưa sử dụng các phương pháp linh hoạt, chưa tạo hứng thú trong quá trình dạy; cũng có thể do người học chưa tập trung cao độ, còn nhiều vướng mắc trong quá trình học mà chưa được giải đáp nên một số học sinh còn có cảm xúc tiêu cực khi đến giờ học Tiếng Việt.

Thái độ - cảm xúc của học sinh đối với môn Tiếng Việt còn được thể hiện trong câu hỏi: “*Nếu vì một lí do nào đó phải nghỉ giờ học Tiếng Việt thì tâm trạng em thế nào?*”.

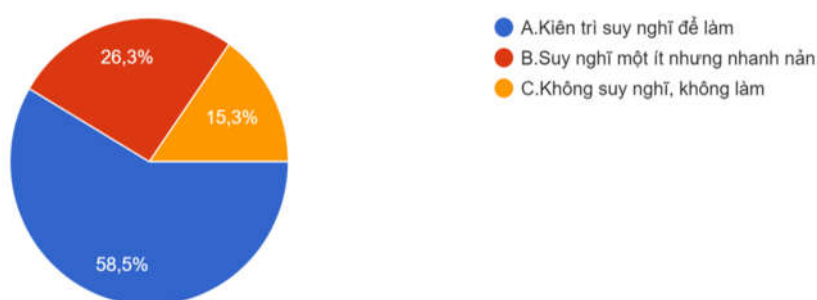


**Bảng 2.6: Cảm xúc của học sinh khi phải nghỉ giờ học Tiếng Việt**

STT	Nội dung	Cảm xúc	
		Số lượng	Phần trăm
1	Buồn	74	62,7%
2	Bình thường	27	22,88%
3	Bình thường	17	14,40%

Câu hỏi số 6 cho học sinh một tình huống giả định là “*phải nghỉ giờ học môn Tiếng Việt*”, kết quả cho thấy có tới 62.7% học sinh lựa chọn đáp án A là “*rất buồn*”; 22.88% học sinh lựa chọn đáp án B là “*bình thường*” và 14.40% học sinh chọn phương án C “*không thấy tiếc*”. Tuy phần lớn học sinh lựa chọn phương án A là rất buồn khi phải nghỉ tiết Tiếng Việt vì một lý do nào đấy; nhưng bên cạnh đó vẫn có khá nhiều học sinh thấy bình thường hoặc không tiếc nuối gì cả khi phải nghỉ học giờ Tiếng Việt. Học sinh P.V.P cho biết “*Cứ được nghỉ học là em thích, môn nào em cũng thích*”. Học sinh T.T.A thì lại nói “*Em thích học Tiếng Việt nên nghỉ em thấy buồn và sợ không hiểu bài nếu nghỉ học ở nhà ạ!*”

Để làm rõ hơn hứng thú học tập môn Tiếng Việt thông qua biểu hiện về thái độ - cảm xúc chúng tôi đưa ra câu hỏi “*Khi gặp một bài tập khó em có thái độ ra sao?*” trong phiếu khảo sát và kết quả như sau:



**Biểu đồ 2.4: Biểu hiện của học sinh khi gặp bài tập khó**

Kết quả thu được có 58,5% học sinh chọn đáp án “kiên trì suy nghĩ để làm”, 26,3% học sinh lựa chọn “suy nghĩ một ít nhưng nhanh nản”, 15,3% học sinh lựa chọn “không suy nghĩ, không làm”. Kết quả này cho thấy phần lớn học sinh có thái độ tích cực, nỗ lực cố gắng để hoàn thành các nhiệm vụ khó khăn. Tuy nhiên, vẫn còn một số học sinh không cố gắng nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ học tập khó khi được giao. Điều này cho thấy một số em vẫn chưa thực sự tự giác, tích cực, chủ động trong học tập môn Tiếng Việt.

### **2.3.3. Hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 biểu hiện thông qua mặt hành vi**

Bên cạnh nhận thức và thái độ, hứng thú học tập môn Tiếng Việt còn được biểu hiện thông qua hành vi. Do đó, để tìm hiểu rõ hơn hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 trường Tiểu học Khánh Phú, chúng tôi đã nghiên cứu hứng thú của học sinh thông qua các hoạt động, hành động của các em trong giờ học Tiếng Việt trên lớp và ở nhà.

Chúng tôi sử dụng câu hỏi "*Trong một giờ học Tiếng Việt, em thường giơ tay mấy lần?*", kết quả thu được phản ánh trong biểu đồ sau:

Kết quả khảo sát cho thấy có 37,3% học sinh lựa chọn phương án giơ tay 2 lần; 23,7% học sinh lựa chọn phương án trên 2 lần và 27,1% học sinh chọn phương án 1 lần. Phần lớn học sinh trong giờ học đều hăng hái, tích cực, sôi nổi tham gia vào các hoạt động trong giờ học. Bên cạnh đó thì số lượng học sinh không giơ tay phát biểu vẫn còn chiếm số phần trăm lớn là 11,9%. Con số này cho thấy một bộ phận học sinh có thể chưa nắm vững kiến thức, cũng có thể do tính cách nhút nhát dù biết câu trả lời nhưng không tự tin giơ tay phát biểu... Cụ thể qua việc phỏng vấn sâu, chúng tôi thấy được đa số học sinh khá, giỏi, có học lực tốt thường có thái độ tự tin trong giờ học, tiếp thu bài tốt và khi giáo viên đưa ra câu hỏi thì các em đã nhanh chóng có câu trả lời và dơ tay phát biểu bài hơn là những học sinh yếu, kém. Điều này cũng đúng với giáo viên đánh giá trong tiết Tiếng Việt học sinh cũng hăng hái phát biểu giơ tay, nhưng vẫn có những học sinh hiếm khi giơ tay trong tiết Tiếng Việt.

So sánh học sinh lớp 4A, 4B, 4C cho thấy học sinh các lớp trong giờ học Tiếng Việt thường giơ tay phát biểu xây dựng bài. Lớp 4B có ĐTB cao nhất (2,4), sau đó là 4A (2,03) và 4C (2,12).

Khi được hỏi "*Em có chăm chỉ làm bài tập tiếng Việt giáo viên giao không?*", đa số học sinh đã có ý thức tự giác hoàn thành tốt nhưng vẫn còn tồn

tại 11% học sinh chưa chăm chỉ thực hiện. Em N.V.A nói rằng "*Về nhà em làm bài cô giao nhanh để còn đi chơi*". Điều này cho thấy bên cạnh những học sinh đã có sự tự giác, ý thức trách nhiệm trong hoạt động học tập thì vẫn còn những học sinh chưa tự giác trong học tập. Nguyên nhân có thể xuất phát từ bản thân học sinh, cũng có thể còn thiếu sự nhắc nhở, thôi thúc từ gia đình; hoặc cũng do kiến thức còn chưa tốt, thấy khó nên các em mới chán nản, không chăm chỉ làm bài tập...

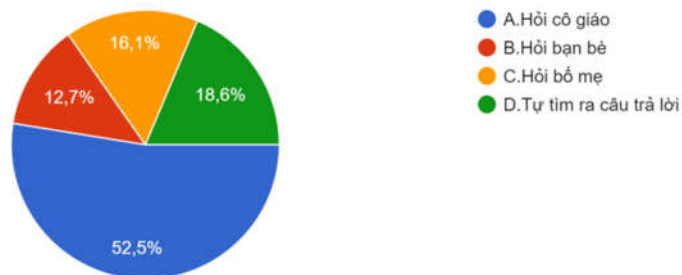
**Bảng 2.7 : Nhiệm vụ của học sinh trong giờ Tiếng Việt**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Hành vi</b>	
		<b>Số lượng</b>	<b>Phần trăm</b>
1	Hoàn thành các nhiệm vụ học tập	73	61,86%
2	Có hoàn thành nhưng không tích cực	28	23,72%
3	Không hoàn thành	17	14,40%

Biểu hiện trong giờ học Tiếng Việt còn được thể hiện qua hành vi các em có chú ý nghe giáo viên giảng bài hay ghi chép bài đầy đủ hay không. Có đến 61,86% học sinh của các lớp mà chúng tôi đã khảo sát đã có ý thức tự giác qua việc ghi chép bài đầy đủ trong mỗi giờ học Tiếng Việt. Hiệu quả học tập sẽ cao hơn, ngoài việc chỉ nghe thì kết hợp ghi chép sẽ giúp học sinh ghi nhớ kiến thức được tốt hơn. Nhưng bên cạnh đó thì số lượng học sinh lười ghi bài cũng còn chiếm số phần trăm không nhỏ là 14,40%; có 23,72% số học sinh ghi bài nhưng sơ sài, không đầy đủ.

So sánh giữa học sinh Nam (ĐTB= 1,47) và Nữ (ĐTB= 1,63), chúng tôi thấy rằng học sinh Nữ ghi chép bài đầy đủ hơn các học sinh Nam ở cả ba lớp 4A, 4B, 4C.

Trong phiếu khảo sát, chúng tôi hỏi học sinh "*Nếu có thắc mắc về môn học, em sẽ làm gì?*", kết quả thu được thể hiện ở biểu đồ sau:



**Biểu đồ 2.5: Biểu hiện của học sinh có thắc mắc về môn học**

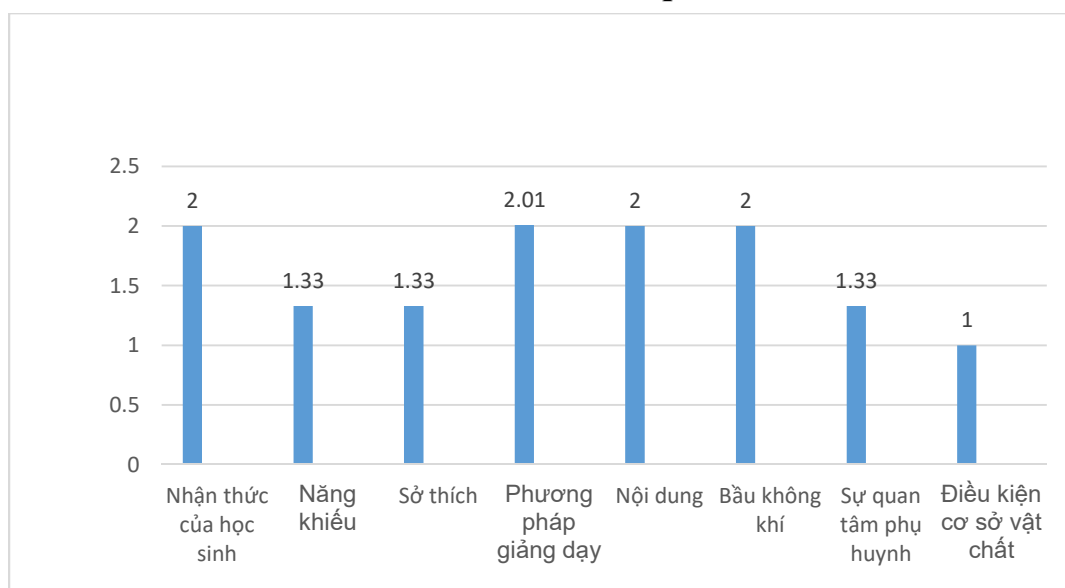
Kết quả mà chúng tôi thu được ở câu hỏi này có đến hơn nửa phần trăm số học sinh sẽ hỏi giáo viên mỗi khi gặp vấn đề trong môn học, cụ thể là có tới 52,5% học sinh lựa chọn phương án hỏi giáo viên. Điều này cũng phù hợp với đánh giá của giáo viên, các thầy/cô thấy rằng khi gặp câu hỏi khó hoặc thắc mắc thì học sinh vẫn thường hỏi, tìm đến sự trợ giúp của giáo viên.

#### **2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 trường tiểu học Khánh Phú**

Có rất nhiều các yếu tố ảnh hưởng tác động đến hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 trường tiểu học Khánh Phú bao gồm cả yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan.

Khi hỏi về các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh, chúng tôi thu được kết quả như sau:

**Biểu đồ 2.6: Các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4**



Mức độ yêu thích 1: thích  
2: bình thường  
3: không thích

Kết quả khảo sát như sau: Các yếu tố có ĐTB cao (2,0) là "Nhận thức của học sinh về tầm quan trọng của môn Tiếng Việt", "Phương pháp giảng dạy linh hoạt, hấp dẫn của giáo viên" (ĐTB= 2,01), "Nội dung bài học dễ hiểu", "Bầu không khí lớp học thoải mái, vui vẻ"; tiếp đến là "Năng khiếu học Tiếng Việt", "Sở thích liên quan đến Tiếng Việt", "Sự quan tâm, tạo điều kiện của phụ huynh học sinh" có ĐTB= 1,33; và yếu tố có ĐTB thấp nhất (1,0) là "Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc học Tiếng Việt đầy đủ, đa dạng".

Kết quả này cho thấy có nhiều yếu tố cả khách quan và chủ quan đều ảnh hưởng đến hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4. Trong đó, các yếu tố về giáo viên (phương pháp giảng dạy, cách tạo bầu không khí lớp học) và học sinh (nhận thức của học sinh...) có vai trò quan trọng trong việc tạo hứng thú cho học sinh trong môn Tiếng Việt. Cơ sở vật chất của nhà trường tuy có ảnh hưởng đến hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 nhưng mức độ không cao.

Đối với học sinh tiểu học nói chung và học sinh lớp 4 thì khi giáo viên sử dụng đồ dùng trực quan sinh động, đẹp mắt sẽ rất lôi cuốn học sinh mức độ nhận thức đạt hiệu quả tốt, hơn nữa quá trình hưng phấn của học sinh tiểu học mạnh hơn ức chế và có chiều hướng lan rộng đồng thời ở các em cũng dễ xuất hiện các điểm hưng phấn mới làm cho các em dễ mất tập trung khi học tập. Bầu không khí trong lớp học cũng là trạng thái tâm lý chung đánh giá ảnh hưởng lớn đến hứng thú học môn Tiếng Việt của học sinh. Nếu giờ học có không khí căng thẳng hoặc tẻ nhạt, đơn điệu thì học sinh rất khó có hứng thú với môn học này. Và ngược lại, nếu trong giờ học đó có không khí thoải mái, vui vẻ, sôi nổi, tích cực thì học sinh sẽ dễ nảy sinh hứng thú học Tiếng Việt.

Nhận thức của người học về vai trò, ý nghĩa môn học Tiếng Việt sẽ ảnh hưởng đến hứng thú học tập môn học này của các em học sinh. Qua kết quả khảo sát, có thể thấy đa số học sinh là đã nhận thức được ý nghĩa của môn Tiếng Việt qua (ĐTB 1,36); bên cạnh đó, vẫn còn một số học sinh chưa biết rõ hoặc không nhận thức được lợi ích của việc học môn Tiếng Việt. Điều này sẽ làm ảnh hưởng đến hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4.

Với câu hỏi số 13 trong phiếu khảo sát "*Khi giáo viên sử dụng phương tiện dạy học như vật thật, tranh ảnh, sơ đồ, video, máy chiếu... em có cảm xúc như thế nào?*" Kết quả như sau:

**Bảng 2.8: Cảm xúc của học sinh khi giáo viên sử dụng đa dạng phương tiện dạy học.**

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Hành vi</i>	
		<i>Số lượng</i>	<i>Phần trăm</i>
1	Thích thú	73	61,8%
2	Bình thường	31	26,27%
3	Không thích	14	11,86%

*Mức độ yêu thích: 1: thích*

*2: bình thường*

*3: không thích*

Qua khảo sát kết quả có tới 61.8% học sinh lựa chọn “thích thú”; 26,27% , 11,86% lựa chọn cảm xúc “bình thường” và “không thích”. Điều này cho thấy để tăng mức độ hứng thú học tập môn Tiếng Việt ở học sinh thì không thể thiếu vận dụng phương pháp dạy học linh hoạt, làm như vậy học sinh mới có thể tăng cảm xúc quá trình lĩnh hội tri thức. Học sinh tiểu học rất dễ lĩnh hội tri thức khi được tận mắt thấy, được cầm nắm, được trao đổi mọi cái mà chúng thấy chúng được biết. Nên tỉ lệ thích thú chiếm khá cao. Trong quá trình khảo sát so sánh giữa học sinh nam (ĐTB= 1,5) và học sinh nữ (ĐTB=1,44) hầu như không có sự khác biệt nhiều trong cách lựa chọn đáp án về cảm xúc khi giáo viên sử dụng phương tiện dạy học như: vật thật, tranh ảnh, sơ đồ, băng video, máy chiếu,... Kết quả này cho thấy học sinh đều rất mong muốn trong giờ học giáo viên sẽ sử dụng các phương pháp dạy học trực quan... sẽ làm các em thích thú hơn trong giờ học Tiếng Việt, nâng cao hứng thú học tập của các em.

## **2.5. ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP NÂNG CAO HỨNG THÚ HỌC TẬP MÔN TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH LỚP 4**

- Nâng cao nhận thức cho giáo viên và học sinh, đặc biệt là học sinh, về vai trò, ý nghĩa của môn Tiếng Việt:

Nhận thức là một trong ba mặt cơ bản của đời sống tâm lí con người. Nó có quan hệ chặt chẽ với tình cảm và hành động. Nhận thức là tiền đề, cơ sở cho việc hình thành thái độ. Như đã phân tích ở trên, nhận thức của học sinh về tầm quan trọng của Tiếng Việt là một trong những yếu tố có ảnh hưởng mạnh đến búng thủ học môn Tiếng Việt của học sinh Tiểu học. Chính vì vậy, muốn hình thành và phát triển hứng thú học môn Tiếng Việt cho học sinh Tiểu học thì cần phải nâng cao nhận thức cho học sinh về tầm quan trọng, ý nghĩa của môn Tiếng Việt đối với hoạt động nghề nghiệp cũng như trong cuộc sống của các em. Và khi đã nhận thức được đúng, chính xác vai trò, ý nghĩa của môn Tiếng Việt đối với bản thân mình thì học sinh sẽ hướng sự chú ý của mình vào môn Tiếng Việt nhiều hơn.

- Giáo viên sử dụng phối hợp, linh hoạt các phương pháp dạy học:

Giáo viên tích cực sử dụng linh hoạt và phối kết hợp các phương pháp dạy học tích cực để làm bài học trở nên sinh động, hấp dẫn. Đồng thời giáo viên sử dụng phương pháp trực quan (đồ dùng dạy học được giáo viên chuẩn bị thật kĩ càng, các bài giảng được thiết kế trên Powerpoint) để làm cho giờ học thêm phong phú, hấp dẫn, có hiệu quả hơn và phát huy tính tích cực của học sinh.

Khi luyện tập, giáo viên cho học sinh làm nhiều bài tập, giáo viên theo dõi, quan sát và có thể gợi ý, hướng dẫn học sinh đối với những bài tập khó trong khi các em làm bài tập. Giáo viên có thể thiết kế nhiều bài tập dưới dạng các tình huống thực tế trong cuộc sống để học sinh có điều kiện vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những tình huống đó, qua đó giúp học sinh thấy được ứng dụng của tiếng Việt trong thực tiễn cuộc sống của con người, đồng thời giúp học sinh hiểu biết thêm về ý nghĩa của môn Tiếng Việt. Căn cứ vào trình độ, học lực của học sinh mà giáo viên có thể đưa ra những dạng bài tập nâng cao hơn hoặc dễ hơn với từng đối tượng học sinh để các em không cảm thấy nhàm chán vì phải làm bài quá dễ đối với những em học khá, giỏi và không cảm thấy nản khi gặp bài khó đối với các em học lực yếu. Khi gặp những kiến thức khó, giáo viên nên giảng kĩ hơn và lấy nhiều ví dụ minh họa để học sinh dễ hiểu.

Trong đánh giá, giáo viên không chỉ nhận xét để học sinh biết đúng, sai, nắm chắc và hiểu rõ bài hơn mà song song với đó, giáo viên cần có những lời động viên, khen ngợi học sinh kịp thời đối với sự cố gắng, tiến bộ của các em

nhằm phát huy tính tích cực hoạt động của học sinh. Bên cạnh đó, giáo viên tăng cường kiểm tra, đánh giá với nhiều hình thức. Trong lúc học bài mới giáo viên có thể nêu những câu hỏi kiểm tra kiến thức các em đã học (kiểm tra không chỉ diễn ra khi kiểm tra bài cũ). Cũng cố bài học không đơn thuần là giáo viên đặt câu hỏi yêu cầu học sinh nhắc lại những cấu trúc ngữ pháp, nghĩa của từ vựng... đã học mà giáo viên tổ chức dưới dạng: cho học sinh tự hỏi nhau, làm bài tập tình huống, liên hệ thực tế nội dung tiếng Việt vừa học vào trong thực tiễn....

Giáo viên cũng cần tạo ra bầu không khí học tập thật sự hấp dẫn, lí thú, thoải mái, tránh tạo ra bầu không khí căng thẳng. Đồng thời giáo viên nên hướng dẫn học sinh biết nhận xét, đánh giá câu trả lời, bài làm của bạn để biết tự nhận xét, đánh giá bản thân.

- Đổi mới các phương pháp dạy học, tạo bầu không khí thoải mái:

Trong những tác động khách quan tới học sinh thì tác động của giáo viên đặc biệt quan trọng. GV là người tổ chức mọi hoạt động nói chung cũng như hoạt động nhận thức nói riêng của học sinh. Chính vì vậy mà giáo viên Tiểu học phải là người có trình độ chuyên môn và tay nghề sư phạm vững vàng. Nhân cách của người giáo viên, đặc biệt là lòng yêu nghề, yêu trẻ, yêu văn học nghệ thuật thể hiện trong từng giờ học, giao tiếp với học sinh sẽ hình thành ở học sinh thái độ với ý thức học tập, tạo cho các em có một cảm xúc đúng đắn đối với học tập. Giáo viên phải tổ chức sao cho học sinh được trực tiếp tham gia vào hoạt động học tập tạo ra sản phẩm giáo dục chính mình với tinh thần học tập tích cực và độc lập. Qua đó, học sinh nắm vững cách học Tiếng Việt.

Ngược lại, khi có nhiều lỗ hổng trong kiến thức, học sinh học sút kém dần sẽ mất đi lòng tự tin, mất đi tính tự giác học tập, thậm chí chán học. Ngoài ra, năng lực truyền dẫn kiến thức của người thầy, cô cũng là một trong những yếu tố có sức thu hút mãnh liệt học sinh. Có nhiều yếu tố thể hiện năng lực này như giọng điệu, ánh mắt, tư thế,... nhưng ngôn ngữ mới là yếu tố quan trọng nhất. Đây là công cụ lao động gần như là duy nhất cho người giáo viên hành nghề. Chính những lời giảng bài giàu hình ảnh cảm xúc, tinh tế và phù hợp với sự tiếp nhận của học sinh sẽ tạo dư âm, kích thích hứng thú tiềm ẩn từ bên trong khiến người học nhớ sâu, nhớ lâu và gợi mở những liên tưởng lan



tỏa dây chuyền. Chưa làm được điều ấy mọi cố gắng của thầy dẫn đến hiệu quả mong manh.

Khi giao tiếp với học sinh, giáo viên cần chú ý xây dựng quan hệ thầy – trò tích cực. Cảm xúc của giáo viên có vai trò quan trọng trong việc tạo ra cường độ cảm xúc của học sinh trong hoạt động nhận thức. Nếu giáo viên thực sự say mê, yêu thích công việc giảng dạy của mình thì sẽ làm cho giờ học có nhiều niềm vui, làm cho mỗi học sinh gần gũi với thầy hơn và có ảnh hưởng tốt tới hứng thú học tập của học sinh. Việc khuyến khích học sinh tin tưởng vào chính khả năng của bản thân cũng như việc đánh giá khách quan, công bằng, tôn trọng sự cố gắng, kết quả học tập của học sinh cũng rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy học và hứng thú học tập của học sinh.

- Phối hợp chặt chẽ giữa giáo viên và gia đình

Giáo viên kết hợp với gia đình học sinh để có sự nhắc nhở, động viên kịp thời, động viên kịp thời, nhằm giáo dục con cái phát triển hứng thú học tập. Ở đây vai trò của phụ huynh rất lớn. Vì thế, giáo viên cần quan tâm, hướng phụ huynh về việc định hướng mục đích học tập đúng đắn cho con em mình về đường lối phương pháp giáo dục xã hội nhằm tạo ra môi trường giáo dục thống nhất.

- Tăng cường điều kiện, cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho việc học Tiếng Việt của học sinh

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị là một điều không thể thiếu khi học tập. Trong quá trình học môn Tiếng Việt, nếu học sinh được sử dụng các trang thiết bị như máy vi tính, video, các thẻ chữ, thẻ từ, dụng cụ học tập,... thì sẽ hình thành thói quen tư duy sáng tạo để tìm ra tri thức, điều này sẽ làm học sinh hứng thú hơn với môn Tiếng Việt và kết quả học tập của các em sẽ tốt hơn. Do đó, gia đình, nhà trường và xã hội nên tăng cường đầu tư trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho việc học tiếng Việt để các em có thể nâng cao hứng thú và kết quả học tập của mình.

## TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Nghiên cứu thực trạng hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 trường Tiểu học Khánh Phú cho thấy học sinh lớp 4 có hứng thú học môn Tiếng Việt biểu hiện ở nhận thức, thái độ- cảm xúc và hành vi. Đa số học sinh lớp đã có hứng thú học tập môn Tiếng Việt, tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận học sinh chưa nhận thức được ý nghĩa của môn Tiếng Việt cũng như chưa có thái độ - cảm xúc tích cực và sự chủ động, tự giác trong việc tiếp thu kiến thức ở môn học này.

Hứng thú học môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 trường Tiểu học Khánh Phú đã chịu sự tác động bởi 2 yếu tố chủ quan và khách quan. Trong yếu tố chủ quan thì nhận thức của học sinh về tầm quan trọng của môn Tiếng Việt là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất. Còn yếu tố khách quan thì phương pháp dạy học của giáo viên lại có ảnh hưởng lớn nhất.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. KẾT LUẬN**

Về lí luận, hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh là thái độ đặc thù của học sinh đối với môn học, vừa có ý nghĩa trong cuộc sống, vừa có khả năng đem lại khoái cảm cho bản thân người học trong quá trình học tập môn Tiếng Việt. Hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh Tiểu học được thể hiện ở ba mặt: nhận thức, thái độ - cảm xúc và hành vi.

Về kết quả nghiên cứu hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh ở mức khá, biểu hiện cao nhất ở mặt nhận thức và thấp nhất ở mặt hành vi. Có sự chênh lệch về hứng thú học tập của học sinh giữa các lớp.

Hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh ảnh hưởng bởi yếu tố chủ quan lẫn yếu tố khách quan. Trong yếu tố chủ quan thì nhận thức của học sinh về tầm quan trọng của môn Tiếng Việt là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất. Còn yếu tố khách quan thì phương pháp dạy học của giáo viên lại có ảnh hưởng lớn nhất.

### **2. KIẾN NGHỊ**

Để nâng cao hứng thú học tập môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 4, đòi hỏi nhà trường phải cho các em biết và hiểu rõ về vai trò, ý nghĩa của môn Tiếng Việt đối với bản thân các em; tránh hiện tượng học sinh học Tiếng Việt mà không biết mình học để làm gì và môn học này có vai trò như thế nào. Vì thế, giáo viên và phụ huynh cần quan tâm, định hướng mục tiêu học tập môn Tiếng Việt đúng đắn cho các em học sinh.

Phương pháp giảng dạy của giáo viên là yếu tố vô cùng quan trọng tác động đến hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4. Vì vậy, giáo viên cần vận dụng linh hoạt các kỹ thuật dạy học và các phương pháp dạy học truyền thống và hiện đại trong giảng dạy môn Tiếng Việt cho học sinh, giúp các em tiếp thu nội dung bài học dễ dàng hơn và có những tiết học vui vẻ, thoải mái để học sinh hình thành hứng thú đối với môn học.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ giáo dục & đào tạo (2005), *sách Tiếng Việt lớp 4*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Thu Cúc (2003), *Hứng thú và hứng thú học tập ở người học*, Tạp chí Giáo dục, số 56, Hà Nội.
3. Lê Mỹ Dung (2005), *Hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 3*, Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
4. Bùi Văn Huệ (2013), *Giáo trình Tâm lý học tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.
5. Vũ Thị Lan (2009), *Các biện pháp tạo hứng thú cho học sinh nhằm nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Việt ở Tiểu học*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
6. Lê Phương Nga (2013), *Một số biện pháp tạo hứng thú học tập cho học sinh để nâng cao chất lượng dạy học ở tiểu học*, Tạp chí Khoa học, (số 8).
7. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, NXB ĐHSP.
8. Nguyễn Thị Thanh Nhài (2011), *Một số biện pháp tạo hứng thú cho học sinh lớp 1 để nâng cao hiệu quả học tập trong giờ học Tiếng Việt*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học Giáo dục.
9. Nguyễn Thị Nguyệt (Ch.nhiệm), Vũ Thị Hồng (2011), “Hứng thú với hoạt động rèn nghiệp vụ sư phạm của sinh viên năm thứ hai khối đại học sư phạm trường Đại học Hoa Lư”.
10. Lê Huyền Trang (2012), “Giải thích các hiện tượng thực tiễn có liên quan đến môn hóa học ở trường THPT nhằm tạo hứng thú học tập cho học sinh ” - Khóa luận tốt nghiệp đại học. Ngành Sư phạm Hóa - Sinh. Hệ đào tạo Chính quy. Khóa học 2008-2012.
11. Đào Thị Oanh, *Hứng thú học tập và sự thích nghi với cuộc sống nhà trường của học sinh đầu bậc Tiểu học*, Tạp chí giáo dục, số 4, tr.17.
12. Lê Xuân Thái (1997), *Bồi dưỡng hứng thú của học sinh đối với môn Tiếng Việt*, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện ngôn ngữ học, NXB KHXH.
13. Nguyễn Quang Uẩn (2000), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
14. Nguyễn Quang Uẩn (2011), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
15. Phạm Hồng Vân (2015), *Hứng thú học tập môn tập môn tiếng Anh của học sinh Tiểu học*, Luận văn thạc sĩ Tâm lý học, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

**Phụ lục 1:**  
**PHIẾU KHẢO SÁT HỌC SINH**

*Gửi các em học sinh!*

*Phiếu khảo sát nhằm mục đích tìm hiểu hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4. Chúng tôi cam kết những thông tin thu được qua phiếu hỏi này chỉ dùng vào mục đích nghiên cứu. Các em vui lòng trả lời các câu hỏi trong phiếu bằng cách đánh dấu (x) vào ô lựa chọn hoặc ghi ý kiến trả lời cho câu hỏi mở.*

*Trân trọng cảm ơn các em!*

Họ và tên học sinh:.....

Lớp: .....

Trường: .....

1. Em hãy đánh giá mức độ yêu thích của em đối với mỗi môn học sau đây:

STT	Môn học	Mức độ yêu thích		
		Thích	Bình thường	Không thích
1	Toán			
2	Tiếng Việt			
3	Khoa học			
4	Tiếng Anh			
5	Lịch sử và địa lí			
6	Âm nhạc			
7	Mỹ thuật			

2. Em thấy môn tiếng Việt có lợi ích gì với mình?

Giúp em nghe, nói, đọc, viết tốt hơn

Không rõ

Không có lợi ích gì

3. Em hãy đánh giá mức độ yêu thích của em đối với các phân môn Tiếng Việt sau:

STT	Phân môn	Mức độ yêu thích		
		Thích	Bình thường	Không thích
1	Tập đọc			
2	Chính tả			
3	Luyện từ và câu			
4	Kể chuyện			
5	Tập làm văn			

4. Mỗi khi có giờ học tiếng Việt, em cảm thấy như thế nào?

- Mong chờ, háo hức
- Không có tâm trạng gì
- Muốn giờ học đến chậm

5. Cảm xúc của em trong giờ học tiếng Việt như thế nào?

- Giờ học lôi cuốn, hấp dẫn em
- Em được học tập tích cực, hiểu bài sâu sắc
- Giờ học nhàm chán, tẻ nhạt

6. Nếu vì một lý do nào đó phải nghỉ giờ học Tiếng Việt thì em cảm thấy thế nào?

- Rất buồn
- Bình thường
- Không thấy tiếc

7. Trong một giờ học tiếng Việt, em thường giơ tay phát biểu mấy lần?

- 1 lần
- 2 lần
- Trên 2 lần
- Không lần nào

8. Em có chăm chỉ làm bài tập tiếng Việt giáo viên giao không?

- Chăm chỉ
- Bình thường
- Không chăm chỉ

9. Khi gặp một bài tập tiếng Việt khó, em có thái độ ra sao?

- Kiên trì suy nghĩ để làm
- Suy nghĩ một ít nhưng nhanh nản
- Không suy nghĩ, không làm

10. Trong giờ học Tiếng Việt, em hoàn thành nhiệm vụ học tập như thế nào?
- Hoàn thành các nhiệm vụ học tập
  - Có hoàn thành nhưng không tích cực
  - Không hoàn thành
11. Khi cô giáo đưa ra câu hỏi môn tiếng Việt, em sẽ làm gì?
- Hăng hái giơ tay phát biểu
  - Rụt rè, muốn nhưng không dám giơ tay
  - Không giơ tay
12. Bài kiểm tra tiếng Việt của mình em thường đạt điểm số loại nào?
- Hoàn thành tốt
  - Hoàn thành
  - Chưa hoàn thành
13. Khi giáo viên sử dụng phương tiện dạy học như: vật thật, tranh ảnh, sơ đồ, băng hình video, máy chiếu...em có cảm xúc như thế nào?
- Thích thú
  - Bình thường
  - Không thích
14. Hoạt động học tiếng Việt ở lớp em diễn ra như thế nào?
- Sinh động
  - Bình thường
  - Tẻ nhạt
15. Kết quả học tập môn tiếng Việt của em được đánh giá như thế như thế nào?
- Hoàn thành tốt
  - Hoàn thành
  - Chưa hoàn thành
16. Nếu có thắc mắc về môn học, em thường hỏi ai làm gì?
- Hỏi cô giáo
  - Hỏi bạn bè
  - Hỏi bố mẹ
  - Tự tìm ra câu trả lời

**Phụ lục 2:**  
**PHIẾU KHẢO SÁT GIÁO VIÊN**

*Kính gửi các thầy cô!*

*Phiếu khảo sát nhằm mục đích tìm hiểu hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4. Chúng tôi cam kết những thông tin thu được qua phiếu hỏi này chỉ dùng vào mục đích nghiên cứu. Thầy (cô) vui lòng trả lời các câu hỏi trong phiếu bằng cách đánh dấu (x) vào ô lựa chọn hoặc ghi ý kiến trả lời cho câu hỏi mở.*

*Trân trọng cảm ơn thầy(cô) đã chia sẻ thông tin với chúng tôi!*

**I. Thông tin cá nhân**

1. Họ và tên:.....
2. Giới tính:.....
3. Tuổi tác:.....
4. Đơn vị công tác:.....
5. Đang dạy lớp:.....
6. Trình độ chuyên môn:.....
7. Thâm niên công tác:.....

**II. Nội dung khảo sát**

**1. Thầy (cô) thấy môn Tiếng Việt có vai trò quan trọng như thế nào đối với học sinh lớp 4?**

- Rất quan trọng
- Quan trọng
- Bình thường
- Không quan trọng

**2. Thầy(cô) cho biết mức độ yêu thích của học sinh đối với các phân môn Tiếng Việt**

STT	Phân môn	Mức độ yêu thích		
		Thích	Bình thường	Không thích
1	Tập đọc			
2	Tập viết - chính tả			
3	Luyện từ và câu			
4	Tập làm văn			
5	Kể chuyện			



**3. Thầy (cô) sử dụng những phương pháp dạy học nào sau đây trong giờ dạy môn tiếng Việt?**

Phương pháp	Mức độ		
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1. Trực quan			
2. Thảo luận nhóm			
3. Đàm thoại (hỏi - đáp)			
4. Giải quyết vấn đề			
5. Trò chơi học tập			

**4. Theo thầy(cô), việc tạo hứng thú học tập môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 4 cần thiết ở mức độ nào ?**

- Rất cần thiết
- Cần thiết
- Bình thường
- Không cần thiết

**5. Thầy (cô) đánh giá như thế nào về mức độ hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp mình dạy?**

- Rất hứng thú
- Hứng thú
- Bình thường
- Không hứng thú

**6. Thầy/cô giúp học sinh nhận thức lợi ích của việc học Tiếng Việt bằng cách nào?**

- GV nêu rõ lợi ích từng bài học
- GV tạo tình huống sư phạm giúp học sinh nhận thức được lợi ích của bài học
- Không chú ý đến vấn đề này
- Ý kiến khác:.....

**7. Khi gặp vấn đề chưa hiểu, học sinh có hỏi thầy (cô) không?**

- Có
- Không

**8. Trong giờ học Tiếng Việt, thầy(cô) thấy học sinh lớp mình có những biểu hiện dưới đây ở mức độ nào?**

STT	Biểu hiện	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Hăng hái giờ tay phát biểu xây dựng bài			
2	Giúp đỡ, trao đổi, chia sẻ kiến thức với các bạn			
3	Hoàn thành các nhiệm vụ học tập			
4	Ghi chép bài			

**9. Sau khi kết thúc giờ học Tiếng Việt, thầy (cô) thấy học sinh lớp mình thường có những biểu hiện dưới đây ở mức độ nào?**

STT	Biểu hiện	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Cảm thấy nuối tiếc khi bài học kết thúc			
2	Cảm thấy vui vẻ khi được tiếp thu kiến thức mới			
3	Chia sẻ, thảo luận với bạn bè về kiến thức vừa học được			
4	Chán nản, mệt mỏi			

**10. Các biện pháp sau đây ảnh hưởng như thế nào đến hứng thú học tập môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 4?**

STT	BIỆN PHÁP	MỨC ĐỘ				
		Rất cao	Cao	Vừa phải	Thấp	Rất thấp
1	Tổ chức dạy học phối hợp các hình ảnh minh họa ngộ nghĩnh, phù hợp với lứa tuổi					
2	Tổ chức dạy học kết hợp sử dụng trò chơi học tập					
3	Tổ chức dạy học chủ động, học sinh tìm hiểu nội dung bài học trước khi học					
4	Sử dụng các thiết bị hiện đại vào tổ chức dạy học.					

**11. Theo thầy(cô) những yếu tố dưới đây có ảnh hưởng như thế nào đến hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4**

STT	YẾU TỐ	MỨC ĐỘ				
		Rất cao	Cao	Vừa phải	Thấp	Rất thấp
1	Nhận thức của học sinh về tầm quan trọng của môn Tiếng Việt					
2	Năng khiếu học Tiếng Việt					
3	Sở thích liên quan đến Tiếng Việt					
4	Phương pháp giảng dạy linh hoạt, hấp dẫn của giáo viên					
5	Nội dung bài học dễ hiểu					
6	Bầu không khí lớp học thoải mái, vui vẻ					
7	Sự quan tâm, tạo điều kiện của phụ					

	huynh học sinh					
8	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc học Tiếng Việt đầy đủ, đa dạng					

**12. Thầy(cô) thường gặp phải những khó khăn gì khi dạy học Tiếng Việt cho học sinh lớp 4?**

.....

.....

.....

**13. Thầy(cô) sử dụng các phương tiện dạy học trong tổ chức dạy học Tiếng Việt lớp 4 ở mức độ nào?**

STT	PHƯƠNG TIỆN	MỨC ĐỘ			
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Phương tiện trực quan: hình ảnh, video, vật thật, mẫu chữ...				
2	Máy móc, thiết bị dạy học				
3	Tài liệu dạy học: sách giáo khoa, sách chuyên môn, tài liệu,...				

**14. Thái độ của học sinh khi thầy(cô) giao một bài tập khó trong giờ Tiếng Việt?**

- Tích cực, chủ động, hợp tác để giải quyết vấn đề
- Tích cực, chủ động, hợp tác nhưng nhanh bỏ cuộc khi giải quyết vấn đề
- Không suy nghĩ, không giải quyết vấn đề nếu vấn đề ấy học sinh chưa tiếp xúc bao giờ hoặc giáo viên chưa hướng dẫn
- Không mong muốn giải quyết vấn đề

**15. Các yếu tố sau ảnh hưởng đến hứng thú học tập môn Tiếng Việt ở học sinh lớp 4?**

STT	Các yếu tố	Mức độ ảnh hưởng		
		Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng	Không ảnh hưởng
1	Chất lượng giáo viên			
2	Phương pháp học tập			
3	Sự tự giác và tích cực của học sinh			
4	Trang thiết bị phục vụ tốt			
5	Sách vở, tài liệu có các chủ đề mà học sinh yêu thích			
6	Yếu tố khác:.....			

**16. Thầy(cô) có đề xuất gì để nâng cao hứng thú học tập môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 4?**

.....  
 .....  
 .....

*Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của thầy (cô)!*

**Phụ lục 3**

**PHIẾU QUAN SÁT**

**HỨNG THÚ HỌC TẬP MÔN TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH SINH LỚP 4  
TRƯỜNG TIỂU HỌC KHÁNH PHÚ**

Người quan sát:.....

Địa điểm quan sát:.....

Thời gian quan sát:.....

STT	Các biểu hiện hứng thú học môn Tiếng Việt	Mức độ đạt được		
		Thường xuyên	Bình thường	Ít khi
1	Tích cực, hăng hái phát biểu xây dựng bài			
3	Hợp tác làm việc nhóm			
4	Làm việc riêng trong giờ			
5	Ghi chép bài đầy đủ			
6	Vui vẻ trong giờ học			